

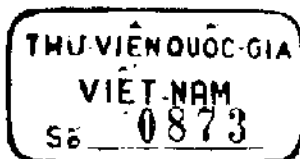
# HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

*Luận Văn Tốt Nghiệp*



NGHIÊN CỨU MỘT CỘNG ĐỒNG LIÊN XÃ

# KHU CẢI SẴN

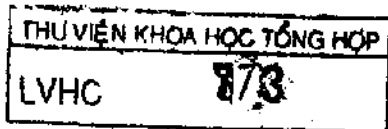


GIÁO-SƯ HƯỚNG-DẪN :  
NGUYỄN - KHẮC - NHÂN

SINH VIÊN *Đoàn - Đức - Xuân*

ĐỐC-SỰ KHÓA XVIII

1970 - 1973



"Độc viện Quốc Gia Thành Thánh  
không tên thánh cũng không phải đời  
những ý kiến phát triển trong Quốc gia  
đường ý kiến do do tên gọi hoàn toàn  
chỉn mạch nhiệm"

THÀNH KÍNH TRI ÂN

Giáo sử NGUYỄN KHẮC NHÂN

ĐÃ TẬN TÌNH HƯỚNG DẪN CHÚNG TÔI HOÀN THÀNH LUẬN VĂN NÀY

CHÂN THÀNH CẢM ƠN

Giáo sư VIỆN TRƯỞNG,  
Giáo sư PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
Quý vị Giáo sư HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

*đã dìu dắt chúng tôi trong suốt học trình .*

CÔNG CHA, NGHĨA MẸ KHẮC ỜNH

MỀNH VỀ CÁC EM

# MỤC LỤC

<u>DẪN NHẬP.</u>	1
<u>PHẦN I.- LỊCH-SỬ THÀNH LẬP.</u>	
<u>CHƯƠNG I : THÀNH LẬP TRUNG-TÂM ĐỊNH-CỰ CÁI-SẢN.</u>	4
<u>MỤC 1 : ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY ĐI ĐỊNH CỰ.</u>	4
<u>ĐOẠN I.</u> Về phía Chánh-Quyền : Kế hoạch Cái-Sản của Chánh-Phủ.	4
<u>ĐOẠN II.</u> Về phía Dân chúng.	7
<u>MỤC II : ĐỊNH-CỰ ĐỒNG BÀO.</u>	10
<u>ĐOẠN I.</u> Việc định cư.	10
I.- Tổ-chức hệ-thống thủy nông.	10
II.- Vấn-đề nhà ở.	13
III.- Vấn-đề canh-tác.	14
<u>ĐOẠN II.</u> Việc trợ cấp.	23
<u>ĐOẠN III</u> Quản-trị và an-ninh.	24
<u>ĐOẠN IV.</u> Thành lập Cái-Sản II và Cái Sản III.	25
<u>PHẦN II.- CÁI-SẢN TRONG CỘNG ĐỒNG QUỐC GIA.</u>	
<u>CHƯƠNG II : SINH-HOẠT KINH-TẾ</u>	28
<u>MỤC I</u> LỢI TỨC CHÍNH : LÚA GẠO	28
<u>ĐOẠN I.</u> Hiện trạng lúa gạo.	28
I.- Tài nguyên đất đai.	28
II.- Phương-pháp canh tác và làm mùa.	29
III.- Năng suất - phí tổn.	37
IV.- Vấn đề tiêu thụ và tiếp thị.	37

<u>ĐOẠN II.</u>	Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất.	40
I.-	Yếu tố thiên nhiên.	40
	A) Đất đai.	40
	B) Kinh rạch.	40
II.-	Yếu tố nhân sự.	41
	A) Thái độ nông-dân.	41
	B) Việc mất một số nhân công hoạt-dộng.	44
	C) Nhịp gia-tăng nhân số.	44
III.-	Yếu tố kỹ-thuật.	45
	A) Phân bón và thuốc sát trùng.	45
	B) Nông tén.	45
	C) Cơ-giới hóa.	48
	D) Chương trình lúa Thần Nông.	48
<u>MỤC II</u>	LỢI TỨC PHỤ.	47
<u>ĐOẠN I.</u>	Hoa màu phụ.	47
<u>ĐOẠN II.</u>	Ngủ nghiệp.	49
<u>ĐOẠN III.</u>	Chăn nuôi gia súc.	50
<u>ĐOẠN IV.</u>	Tiểu công nghệ.	51
<u>ĐOẠN V.</u>	Giao-thông và thương mại.	51
<u>CHƯƠNG III :</u>	SINH-HOẠT HÀNH-CHÁNH - CHÍNH-TRỊ AN-NINH - XÃ-HỘI - Y-TẾ - GIÁO-DỤC.	52
<u>MỤC I</u>	: NỀN HÀNH-CHÁNH HIỆN TẠI.	52
<u>ĐOẠN I.</u>	Tổ-chức và điều-hành.	52
I.-	Các đơn-vị hành-chánh.	52
II.-	Vấn đề đại diện cấp xã, ấp.	53
III.-	Tài nguyên ngân sách.	57
<u>ĐOẠN II.</u>	Dân chúng và sinh-hoạt hành-chánh.	59

<u>MỤC II</u>	: SINH-HOẠT CHÍNH-TRỊ và AN-NINH.....	60
<u>ĐOẠN I.</u>	Sinh-hoạt chính-trị.....	60
<u>ĐOẠN II.</u>	Nền an-ninh.....	62
<u>MỤC III</u>	: SINH-HOẠT XÃ-HỘI - Y-TẾ - GIÁO-DỤC.....	63
<u>ĐOẠN I.</u>	Sinh-hoạt xã-hội.....	63
<u>ĐOẠN II.</u>	Sinh-hoạt giáo-dục.....	68
<u>ĐOẠN III.</u>	Sinh-hoạt y-tế.....	69

PHẦN III. - **KẾT LUẬN**

<u>CHƯƠNG IV</u>	: THAY LỜI NGƯỜI ĐI-CỬ NÓI LÊN MỘT ƯỚC VỌNG.....	72
<u>ĐOẠN I.</u>	Về phương diện y-tế.....	72
I.-	Đề nghị một phương-thức tổ <sup>2</sup> -chức.....	72
II.-	Điều-kiện thực hiện.....	74
<u>ĐOẠN II.</u>	Về phương-diện giáo-dục.....	75
I.-	Nền giáo-dục phải đi sát với thực- trạng nông nghiệp.....	76
II.-	Nền giáo-dục phải có sự đóng góp của mọi thành phần.....	76
III.-	Nền giáo-dục phải có sự liên lạc hợp tác chặt chẽ.....	76
<u>ĐOẠN III.</u>	Về phương-diện canh nông.....	76
I.-	Cải thiện về yếu tố nhân sự.....	76
	1) Về phía chánh quyền.....	76
	2) Về phía dân chúng.....	77
II.-	Cải thiện về yếu tố kỹ-thuật.....	77
	1) Thành-lập tổ hợp nông dân.....	77
	2) Thành-lập Hợp-Tác-Xã và Hiệp Hội Nông-Dân.....	77



# điền nháp

## THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

"Ai vẽ miền cái Sấn xinh tươi,  
Ai vẽ miền lúa mới,  
Ai vẽ nhà má tôi ....."

Nằm im lìm ngoan ngoãn hai bên con đường liên tỉnh số 8 và con kênh đào quen gọi là kênh Rạch Giá - Long Xuyên, Cái Sấn là một cánh đồng bao la bát ngát, gồm hai mảnh đất không ranh giới thiên nhiên của hai tỉnh An Giang và Kiên Giang của miền cực Tây nước Việt.

Nơi đây không phải là địa danh với những anh hùng tên tuổi của dân tộc, hay những danh lam thắng cảnh hùng vĩ thiên nhiên. Cái Sấn chỉ là một miền đất u trầm lặng lẽ, được tạo nên bởi những tập tục đơn sơ chất phác của những người cày di cư miền Bắc.

Nếu đến đây bằng một chiếc xe đò chạy thẳng đường Saigon Rạch Giá, ta phải đi qua miền đất mệnh danh là lặng lẽ này. Từ Saigon xuống và lấy Saigon làm khởi điểm, ta sẽ vào địa phận Cái Sấn qua cây số thứ 198. Đây là địa đầu của Cái Sấn, là một con kênh đào nhỏ thẳng góc với đường liên tỉnh số 8 và kênh Rạch Giá - Long Xuyên (1). Con kênh ấy từ ngày thành lập cho đến nay mang tên là kênh "H" nằm về phía tây phải của con lộ.

Qua kênh H là kênh G, kênh F..., kênh B, rồi từ kênh Rivera trở đi đến kênh 6 là thuộc địa phận Rạch Giá. Kênh 6 cũng là điểm cuối cùng của vùng Đỉnh điển Cái Sấn. Tất cả các con kênh đều thẳng góc với đường liên tỉnh số 8 và kênh Cái Sấn (Rạch Giá - Long Xuyên) ở ven đường, làm thành hàng thẳng song song như

những song cửa sắt đều dần .

Du khách phải đi mất chừng 20 km và khoảng 40 phút đồng hồ để đi qua tất cả các đầu kinh này.

Qua khỏi nơi đây, du khách là không có gì để luyện tiếc khác gì. Con đường liên tỉnh xuyên qua cũng đồng thời là bộ mặt chính của vùng dinh điền Cái Sắn, bỏ mặt chỉ hao hao thay đổi qua bao năm trường thành của đất nước và so với những thị trấn đồng dân cũ.

Nơi đây chịu ảnh hưởng khí hậu, thời tiết và địa dư của cánh đồng bằng miền cực Tây bất ngát, có mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 với gió Tây Nam để chiều, mùa nắng từ tháng 11 đến tháng 4 với gió Đông Bắc khô khan. Tháng 8 đến tháng 11 nước lớn mênh mông. Tháng chạp và tháng giêng mát nhất. Tháng 4 đến tháng 5 thì đất ngoài đồng nứt nẻ.

\* \*  
\*

Cái Sắn tuy u trầm, lặng lẽ, nghèo nàn, nhưng đã gắn chặt vào đời sống của mọi người cựu di cư miền Bắc. Phải nói đây đích thực là quê hương thứ hai của những người nông dân đã hơn một lần liêu chết, bỏ quê cũ thân yêu, bỏ sản nghiệp và mồ mả tổ tiên để đi tìm một chân trời tự do mới.

Khi bước chân của người di cư đến vila lúa miền Tây, Cái Sắn chỉ là một bãi sậy hoang vu khấp khểnh, mang dấu tích của hơn mười năm chiến tranh không ai trông nom đến.

Qua ngót hai mươi năm khói lửa trên quê hương, Cái Sắn cũng đắm mình vào hoàn cảnh chung của dân tộc. Người nông dân Cái Sắn vẫn âm thầm cặm cuoi nối tiếp truyền thống của cha ông, kiên tạo một đời sống ấm no dưới bầu trời miền Nam dân chủ. Dân dân họ đã hòa đồng được với đồng bằng bất ngát Cửu Long và những người miền Nam thân yêu ruột thịt.

Theo thời gian, Cái Sắn vươn mình theo đà phục hưng của xứ sở. Nơi đây, ngày nay đã biến đổi thành bộ mặt hoàn toàn mới,

người ta thấy dường như nó đang được đổ thi hoá hay ứt ra cũng tưởng tưởng một sắc sống sáng lạn .

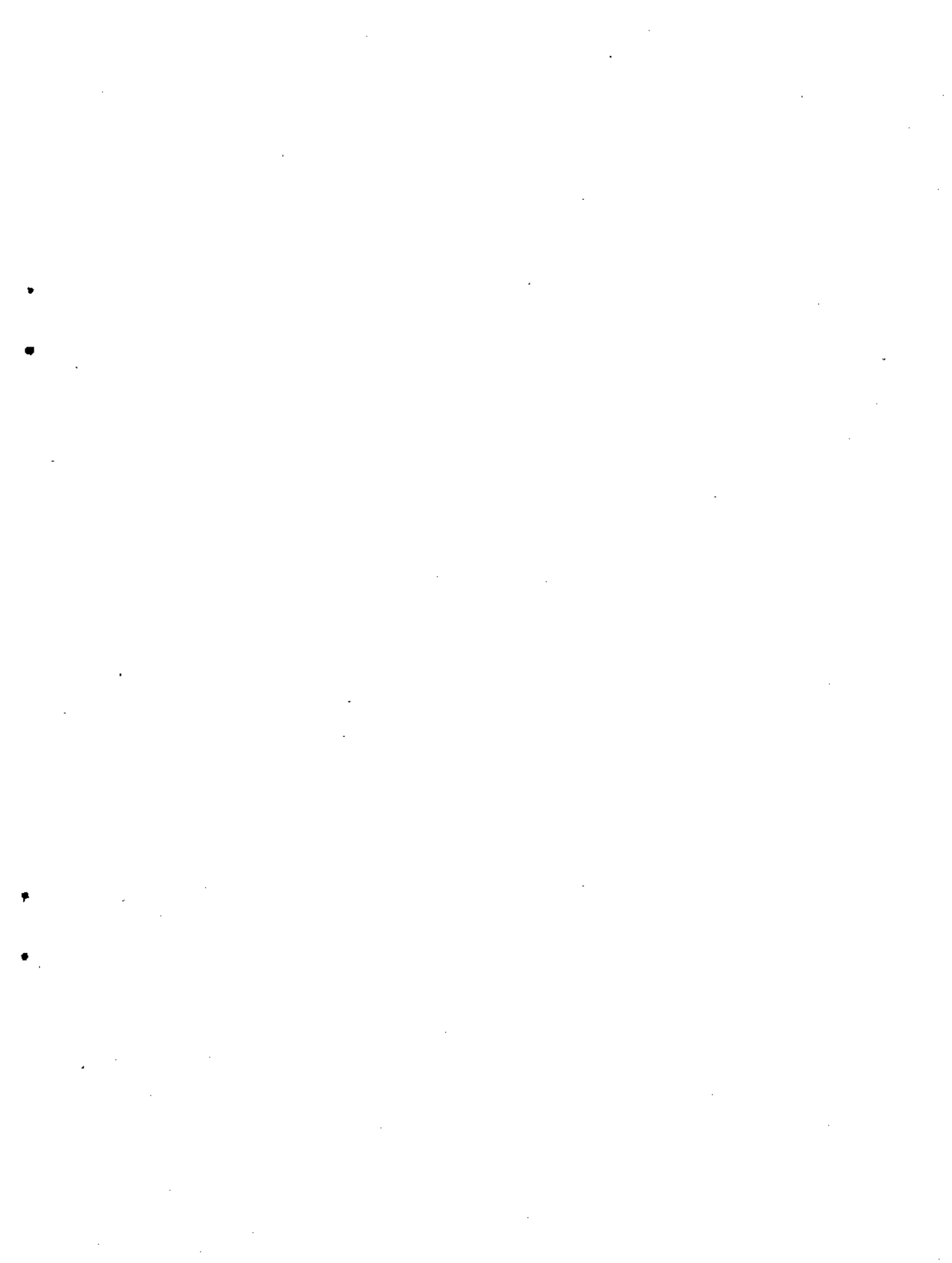
Hàng chục ngàn căn nhà xây hai bên bờ những con kênh cách quãng nhau đều đặn. Hàng chục chợ buá sớm uất náo nhiệt với những bên đồ lúc nào cũng đông nghẹt thuyền bè ra vào tấp nập. Hàng chục các trường Trung học khàng trang đã và đang đào luyện những mầm non cho đất nước. Những giáo đường nguy nga tráng lệ sừng sững trên những thửa đất cao ráo được dựng nên bởi những bản tay của người giáo dân ngoan đạo. Những bệnh xá, phòng y tế, trạm hộ sinh. . . v. . . mang y học tới phụng sự sức khỏe đông bào. Hàng ngàn cửa tiệm lớn nhỏ tạo nên những khu phố thường mai buôn bán đủ mọi thứ hàng. Các con kênh, các bên đồ lúc nào cũng tấp nập thuyền máy ra vào nhộn nhịp. Tất cả những sinh hoạt ấy căng ngày căng phố trường lớn mạnh và chắc chắn còn tiến xa hơn nữa .

Trong phạm vi gia đình, mỗi gia đình Cái Sắn là một đơn vị nông nghiệp vững chắc bên bờ. Công việc chính là đồng áng ruộng vườn những nhân hạ. Họ cũng có đủ tiện nghi vật chất về nhà cửa ăn uống và giải trí v. . . v. . và nói chung, tuy sống ở miền quê những đời sống của họ không quá cách biệt với người thành thị.

\* \* \*

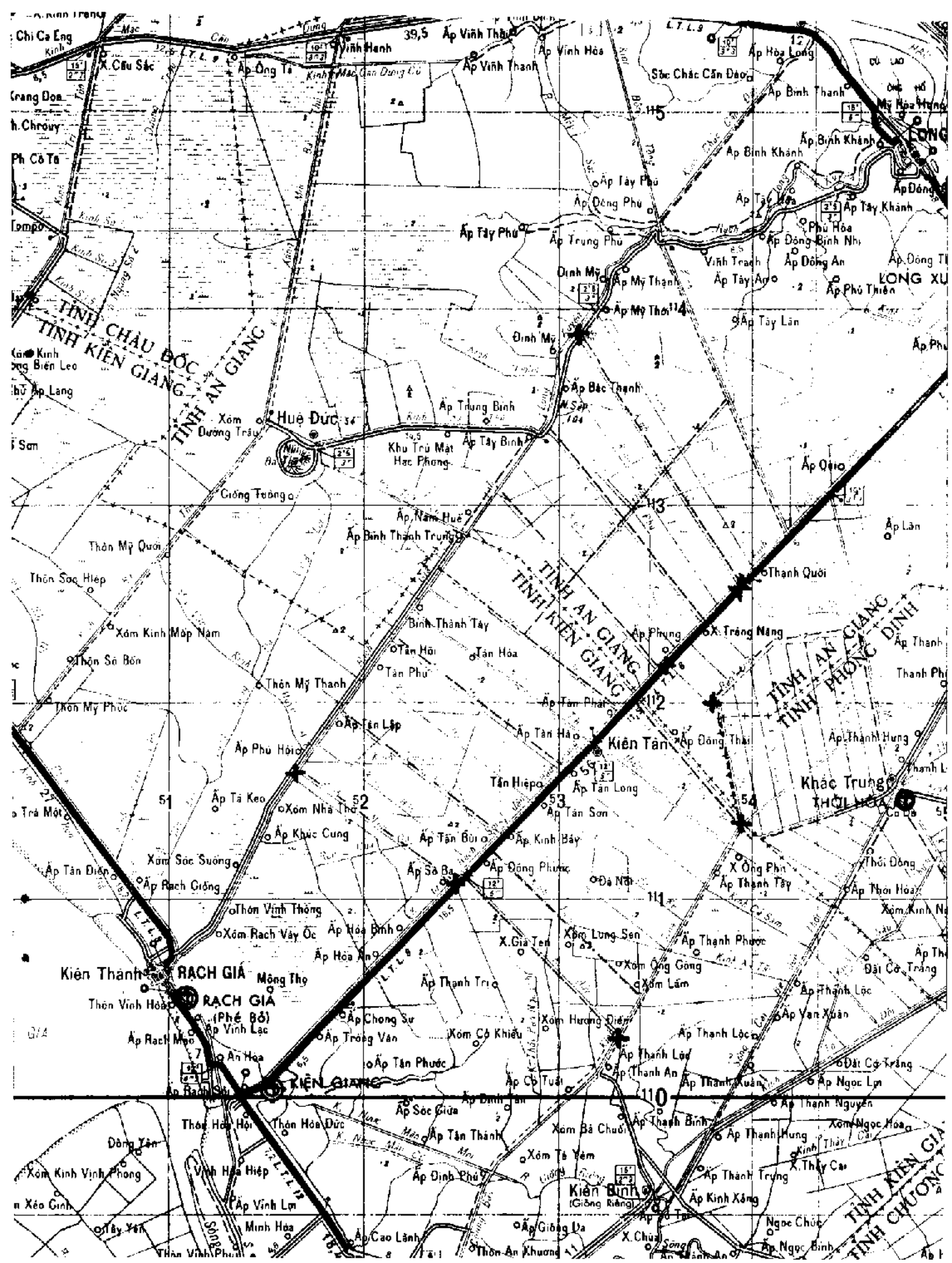
Qua gần 20 năm xây dựng, Cái Sắn đã chuyển mình thành sử vẻ cả hai phường diện tập thể lẫn cá nhân và gia đình. Nơi đây quả đã đóng góp cho công đồng quốc gia một phần quan trọng về kinh tế và nhân lực.

Hai mươi năm dăng dặng, trưởng thành trong sự đổ nạt của quê hương, Cái Sắn cũng ngậm ngùi chia sẻ sự điều tàn chung của xứ sở. Những biến chuyển chính trị, những cuộc chiến tàn khốc diễn ra ngay trước mắt người nông dân Cái Sắn, tuy làm họ lo âu hồi hộp, nhưng không làm mất đi ý chí kiên trì xây dựng. Họ kiên tạo âm thầm, vun bồi lặng lẽ trong đức tính kiệm cần giản dị. Họ chỉ biết đều và đều làm ruộng, để tạo một sản nghiệp cho gia đình và thế hệ con cháu kế tiếp .



*PHẦN THỨ NHẤT*

**LỊCH SỬ THÀNH LẬP**



## CHƯƠNG I

# TRANG LẬP TRUNG TÂM ĐỊNH CƯ CÁI SƠN

Hoa 7

## ĐỒNG LỰC THỨC ĐẤY ĐỊNH CƯ

### ĐOẠN I . VỀ PHÍA CHÍNH QUYỀN : KẾ HOẠCH CÁI SƠN CỦA CHÍNH PHỦ

Trong chương trình định cư đồng-bào di cư, Phủ Tổng-ủy di cư tỵ nạn đã đề ra 3 giai đoạn định cư. (1) Giai đoạn thứ 3 nhằm kiện toàn công cuộc định cư để tiến đến hợp lý và khoa-học hơn.

Để thực hiện giai đoạn này, một trong những công việc phải làm là tìm những địa điểm mới, đủ tài nguyên và thích hợp với nghề nghiệp của đồng-bào, nhất là đồng bào nông nghiệp.

Phủ Tổng-ủy đã phối hợp với Bộ Canh-Nông, Bộ Cải Cách điền địa, các chuyên viên Mỹ, Tây-Đức và Hương-Cảng thành lập những phái-đoàn tìm đất. Phái đoàn đã phúc trình về trung-tâm Cái-Sơn và được Phủ Tổng-Ủy chấp nhận.

Một ngân khoản lồi 228.607.252\$ được dành cho chương-trình định cư Cái-Sơn, tức chiếm quá 1/4 ngân khoản do viện trợ Mỹ đại thọ, do thoả hiệp số 030-82-075 cho 129 dự án kiện toàn các trại định cư trên toàn quốc.

Dự án Cái-Sơn mang danh hiệu số 15, gồm 1 dự án chính và 4 dự án phụ. Dự án chính là việc đào kinh dẫn thủy nhập điền, khai hoang ruộng đất.

Các dự án phụ gồm có việc cất nhà, trợ-cấp tiền

(1) Giai đoạn giải quyết vấn đề cư trú cho đồng bào tỵ nạn từ tháng 10 đến 12-1954 .

Giai đoạn định cư : từ tháng 12 - 1954 đến 6 -1955

Giai đoạn kiện toàn định cư: từ tháng 6 - 1955 trở đi .

mặt thực-phẩm, nông súc v.v...

Dự án Cái Sắn trừ liệu định cư lối 100.000 đồng bào di cư trên lối 77.000 ha đất.

Đầu tháng giêng 1956, một dự án được thảo một cách vội vã theo chính sách của Tổng-Thống Ngô-Đình-Điệm. Dự án có mục đích "tạm thời cung cấp phương tiện cho một số đồng-bào di cư đến định cư vĩnh-viễn tại 8 làng, tổng cộng 2.500 gia-đình, chừng 12.500 dân, cây bừa 10.000 mẫu tây đất và đào 4 cây số kính phụ". Dự án được soạn gấp rút trong 3 ngày (2) xong đệ trình ngay cho Bộ-Trưởng tại Phủ Tổng-Thống xem xét và chấp nhận và gửi qua phái Bộ Kinh-Tế Mỹ ngay. Vì vậy đại cương thôi.

Phủ Tổng-Ủy di cư phụ trách vấn đề chuyên chở và định cư, cung cấp dụng cụ và "lấn".

Bộ cải cách điền địa phụ-trách việc cây máy các khu đất hoang và phân chia cho mỗi gia-đình 3 mẫu tây đất.

Bộ Công-Chánh phụ trách đào kinh và vét kinh đất đào lên sẽ dùng để đắp nền nhà, dọc bờ kinh.

Bộ Canh-Nông lo cung cấp lúa giống, hạt giống, cây giống, cùng lợn gà cho dân di cư.

Sau này sẽ có một tu chỉnh án, theo đó các Bộ Giáo-Dục và Y-tế sẽ giúp dự án về các vấn đề giáo-dục và y-tế.

Trừ hai Bộ Giáo-Dục và y-Tế, còn các cơ-quan đều có đại diện tại Cái-Sắn để có thể giải quyết các vấn đề tại chỗ. Ông Tổng Giám-Đốc Kế hoạch HVĐ phụ-trách phối hợp và có 2 phụ-tá làm đại diện tại Cái-sắn.

(2) Trường hợp Hành Chánh điển hình " vấn đề ổn định kế hoạch định cư tại Cái Sắn "

(Lối một công chức các cấp được giao phó việc soạn thảo dự án ) Ban Cao Học 7 .



Ngày 17.I.1956 Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm ký Sự vụ văn-thư số 133-TTP/KH bổ nhiệm một ủy ban gồm có 7 người để phụ-trách việc thi hành dự án. Trách nhiệm của các nhân viên trong ủy-ban được ấn định như sau.

1/ Ông BVL Tổng-Ủy-Trưởng di cư và Ông TVL đại biểu chính phủ tại Nam phần, phụ-trách theo dõi việc thi hành các huan lệnh của Tổng-Thống và nếu cần sẽ can thiệp với nhà chức trách địa-phương.

2/ Ông HVD, Tổng Giám-Đốc kế hoạch, sẽ chịu trách nhiệm phối trí công cuộc và chương-trình của các cơ quan khác và sẽ là Thanh-Toán-Viên Ngân-sách của Dự án.

3/ Ông TVH Đông-Lý văn-phòng tại Bộ cải cách cách diện địa phụ-trách việc cày bừa đất đai và giữ gìn máy móc.

4/ Ông DVS Giám-Đốc định cư, tại Phủ Tổng- Ủy di cư phụ-trách về chuyên chở dân di cư.

5/ Ông NVĐ Tổng-Thư-Ký bộ giao-thông công Chánh lo về vận đê đèo và vết kinh.

6) Ông VVK Giám-Đốc Nha Canh-Nông tại Bộ Canh-Nông chịu trách nhiệm phân phát lúa giống, hạt giống, cây giống cùng heo gà vịt cho dân di cư.

Tuy nhiên, vì khả năng có hạn nên kế hoạch Cải-Sấn trong giai đoạn đầu tiên chỉ dự trù thành lập khu Cải-Sấn I. Các khu sau này sẽ được tuân tữ thành lập vì đất còn thừa thãi rất nhiều lại có đủ màu mỡ và nước dân thủy nhập diện.

Cải sấn I được thành lập ngày 27.I.1956 tại Xã Thạnh-Quới diện-tích 27.153 ha (phần An-Giang 16.337 ha, phần Kiên-Giang 10.816 ha) dự liệu định cư 9.000 gia-đình khoảng 45.000 người.

Kế hoạch định cư Cải-Sấn cũng 3 kế hoạch

định cư khác tại Pleiku, Ban-mê-thuộc là những kế hoạch đặc biệt so với các kế hoạch khác. Các kế hoạch này cùng với kế-hoạch khai thác miền Cao nguyên Nam Trung Phan đều nằm trong khuôn khổ chương trình cải cách địa, khai thác miền đồng bằng Nam-phần và Cao-nguyên - Nam Trung-Phan của Chính phủ.

## ĐOẠN II . VỀ PHẦN DÂN CHÚNG

Tại những trại tạm cư thuộc vùng Saigon, Chợ-Lớn, Gia-định v.v... phần lớn đồng-bào tạm-cư đều làm nghề nông nhưng chưa có đất cấy, cấy. Tại một số trại - khác ở Tây-Ninh, Bến tre, Thủ-Dau-Một, đồng-bào được đưa đi định cư tuy phù hợp với khả năng nghề nghiệp nhưng nơi định cư lại cần cỗi nghèo nàn thiếu điều kiện canh tác.

Đồng-bào đã mở những cuộc thăm dò, hoặc với tính cách cá nhân, hoặc với tính cách tập thể, và thường thường do các Linh-Mục hướng dẫn, đã đi nhiều nơi, tìm một địa điểm thích hợp để định cư.

Tuy nhiên các cuộc quan sát và thăm dò này đều không đưa đến kết quả là vì người di cư chưa quen với địa lý thiên nhiên của mỗi vùng, họ chỉ quan sát được một số địa điểm gần Saigon như Long-Khánh, Xuân - Lộc, Gia-Kiểm, Dốc-Mơ v.v...

Trong khi ấy, các vị linh mục đã đi thăm vùng Cái-Sắn các vị này nhận thấy nơi đây có thể khai khẩn làm ăn được, nên trở về chiêu mộ các gia-trưởng họp thành đoàn tác vụ làm thời đến đó làm nhà cấy ruộng rồi sẽ đem gia-đình đến sau. Khi đoàn này đến nơi, có nhiều gia-trưởng thấy đất còn hoang, ruộng chưa cấy vỡ, nên ngán ngại rồi vội vàng trở về trại cũ trong vùng Saigon hoặc kế cận. Có trường hợp một số gia-trưởng đưa các gia đình theo nên đã gây khó khăn trong việc cung-cấp nơi

ăn chôn ở. Những người ở lại đã dự tính cho đào 1 hệ thống kênh rạch chảy ngang qua vùng làm sao cho kịp thời để nước dãn vào ruộng vào mùa nắng, mùa mưa thì nước thoát ra được, cùng làm đường thủy vận chuyển các vật liệu và các dụng cụ cần thiết cho việc mở mang vùng Cái-Sơn sau này.

Công việc quan sát và vận động này của các Linh-Mục và các gia-trưởng tiên phong đã làm chonhieu Trại tạm-cư chú ý. Đồng-bào vận động rồi đòi hỏi chính phủ phải cho đi định cư mau chóng. Phong-trào này đã rầm rộ tại rất nhiều trại, thuộc nhiều tỉnh, đâu đâu đồng-bào cũng nghe đến vùng Cái-Sơn, và cùng tintướng sẽ được đi định cư tại đó.

Tuy nhiên, phải đợi đến đầu năm 1956, khi trật tự an ninh đã được văn hồi chính phủ mới khởi xướng chương trình Cái-sơn.

Đầu tháng giêng 1956, phủ Tổng-Ủy bắt đầu loan tin về dự án Cái-Sơn trong các báo ở Thủ-Đô, Tô Ngôn-Luận số ra ngày 2.I.1956 đã loan tin đầy đủ kế hoạch Cái-Sơn của Chính-Phủ (3). Báo ấy còn cho biết theo nguồn tin hữu quyền thì đây là chương trình đầu tiên, nhiều chương trình khác sẽ được tiếp tục khuếch trương. Ngay khi có tin này, đồng-bào khắp các trại tạm cư đã nhiệt liệt hưởng ứng ngay. Ngày 14.I.56, tức độ nửa tháng sau khi có quyết định, đã có 42.850 đơn xin đi Cái-Sơn.

Đồng-bào tin tưởng là thời đại hoàng kim đã đến với họ. Theo lời một chuyên viên ở phủ Tổng-Ủy thì "đồng-bào đi cư đến xin giấy đi Cái-Sơn ở Phủ-Tổng-Ủy rất nhiều. Họ nài nặc đòi đi nên chính quyền không thể từ chối được. Lúc đầu Phủ Tổng-Ủy yêu cầu các vị lãnh đạo tỉnh than đưa danh sách những người tự nguyện xem xét và chấp thuận. Chính phủ dự tính đưa họ xuống lúc nào mùa mưa chấm dứt, nghĩa là chừng một hai tháng

(3) Trường hợp Hành Chánh liên hình .

sau, song sau đó vì số người xin đi đông quá sức mà họ lại đòi đi ngay, nên phủ Tổng-Ủy không thể trì hoãn được và đành để họ ra đi ngay. "hiều người tự ý thuê xe đi đến Cái-Sán mà không xin phép gì cả" (4).

Tóm lại, chính phủ đã bị đông-bào thúc đẩy phải sớm tổ chức định cư tại Cái-Sán, trước khi ấn định đầy đủ chi tiết kế hoạch định cư.

## Mục II

### ĐỊNH CƯ ĐÔNG BÀO

Theo kế hoạch thì công việc định cư chia làm 2 giai đoạn diễn biến như sau :

#### GIAI ĐOẠN I : TRƯỚC KHI ĐÔNG-BÀO ĐẾN

Công việc phải làm là :

- I/ Tổ chức hệ thống thủy nông
- II/ Cày đất
- III/ Chia lô đất

#### GIAI ĐOẠN II : LÚC ĐÔNG BÀO ĐẾN

Công việc phải làm là :

- I/ Xây nhà cho đông-bào
- II/ Trợ-cấp : phương tiện nghề nông, thực phẩm gia-súc v.v...

Tuy nhiên kế hoạch đã bị xáo trộn và đông-bào xuống sớm hơn dự liệu, mặt khác, các công tác chưa thể diễn tiến ngay được. Do đó ta khảo sát công việc định cư như sau :

(4) Lời một viên chức cao cấp phụ trách lập kế hoạch định cư.

## ĐOẠN I . ĐỊNH CỤ

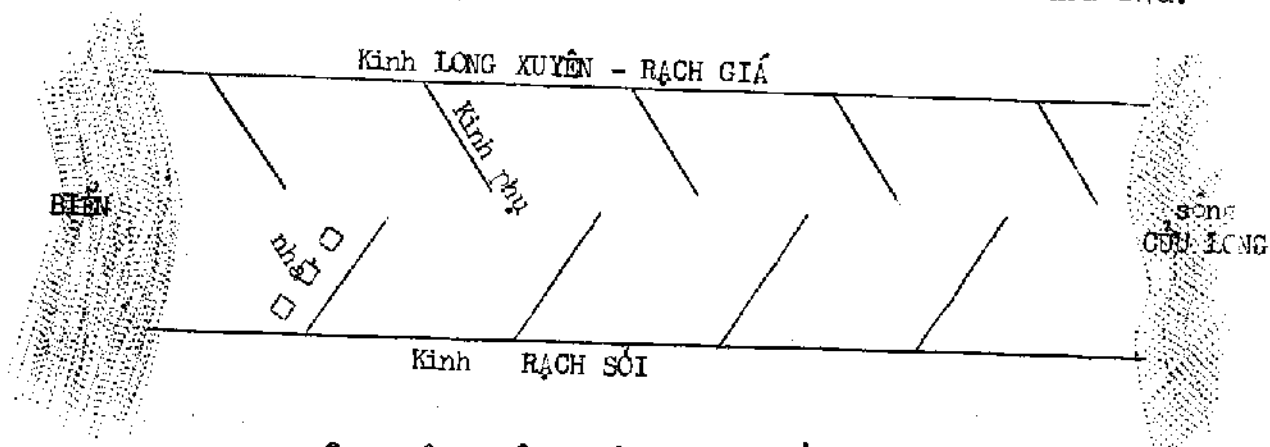
I/ Tổ chức hệ thống thủy nông :

hệ thống này có mục đích :

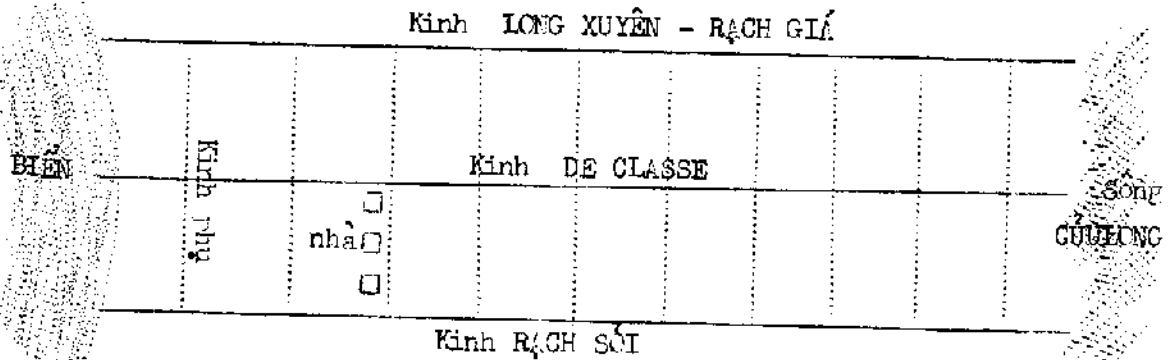
- Thoát thủy và dẫn thủy mau chóng
- Giúp cho đồng-bào giao thông được tiện lợi
- Lấy đất cho việc đào các kinh để cho đồng-bào làm nền nhà sau này.

Về họa đồ đào kinh, Ông Tổng Giám-Đốc kế-hoạch và Ông Bộ-Trưởng Bộ Cải-Cách diện địa, mỗi người đưa ra một họa đồ riêng. Hai người không đồng ý về hướng và cách sắp đặt các con kinh.

Ông Tổng-Giám-Đốc thì muốn đào kinh như sau:



Ông Bộ-Trưởng Cải-Cách Diện-Địa thì cho rằng nếu đào theo kiểu trên sẽ bị lụt và vỡ, thiệt hại lớn cho cả vùng. Ông đề nghị kiểu sau :



Kiểu sau này được các vị linh mục cùng dân di cư tán thành vì họ cho rằng nếu cắt nhà theo kiểu Ông Tổng Giám-Đốc kế-hoạch thì sẽ bị cô lập và khó liên lạc giao thông với nhau trong mùa mưa.

Vị nào cũng cho rằng kiểu của mình tốt hơn về phương diện kỹ thuật. Theo lời các chuyên viên của phái Bộ Kinh-Tê Mỹ sự bất đồng ý kiến làm cho công cuộc đào kinh phải chậm trễ, chưa thi hành ngay được.

Đến tháng 2-56 Ông Tổng Giám-Đốc kế hoạch đi Pháp nghỉ phép, Ông Bộ-Trưởng Cải-Cách diện địa tạm - thời thay thế làm phối trí viên dự án, và cho đào kinh theo kiểu của Ông vẽ. Thế là kế hoạch đào kinh xúc tiến từ đầu tháng 2-56.

Đến tháng 3-56 lúc ấy Ông Tổng-Giám-Đốc kế - hoạch trở về Việt-Nam thấy công tác đào kinh đã khởi công, không theo kế hoạch do Ông đề ra, nên tỏ ý bất mãn. Ông chỉ thị ngưng việc đào kinh và bắt phải dựng nhà dọc các kinh phụ theo kiểu của Ông vẽ. Ông hành động dựa vào Sự-vụ văn-thư bổ nhiệm Ông làm phối - trí viên dự án. Phan Ông Bộ-Trưởng Cải cách diện địa cũng không chịu bỏ ý kiến riêng của mình. Vì vậy mà công-chánh cứ nhận được chỉ thị trái ngược mâu thuẫn nhau,

không biết theo bên nào.

Sự kiện này làm cho việc trả tiền nhân công đảo kinh bị chậm trễ. Một số người đảo thuê nghĩ việc không chịu tiếp tục vì đã mấy tuần không có lương. Đường xá giao thông khó khăn làm cho thẻ thức xuất ngân bị chậm trễ, nhiều lúc tiền phát không đủ. Tiền trả cho những người đảo kinh cũng không được ấn-định rõ ràng. Trong khi đó, đông-bào di cư không chờ đợi được nữa, theo lời khuyên của các Linh-Mục, họ lấy bùn xây nên nhà bửa đi, chỗ nào đảo được thì cứ đảo, hệ tiền chỗ nào thì cứ làm nhà, xây trường học, nhờ thờ, bệnh xá v. v....

Tình trạng hoang mang này thật tai hại, làm cho tinh thần công chức thấp xuống.

Để chấm dứt tình trạng này, Tổng-Thống Ngô - đình-Diệm ký Sự-vụ văn-thư số 906-TTP/KH ngày 4-4-56 bổ nhiệm một Ủy-Ban mới về Cải-Sản do Ông Bộ-Trưởng Cải-Cách diện địa lãnh đạo. Một số nhân-viên trong ủy-ban cũ vẫn còn lại và giữ trách nhiệm như cũ.

Ủy-ban mới gồm có các Ông :

- Ông N.V.T Bộ Trưởng Cải-Cách diện địa
- " B.V.L Tổng Ủy-Trưởng di cư
- " H.B.L Quyền đại-biểu chính phủ tại Nam -  
phan
- " H.V.D Tổng Giám-Đốc kế hoạch
- " Đ.V.S Giám-Đốc định cư tại phủ T.U.D.C
- " T.V.H Đại-Diện Ông Bộ-Trưởng Cải-Cách diện  
địa.
- " N.V.D Đại-diện Ông Bộ Trưởng Giao-thông  
Công-Chánh
- và Ông Đ.V.T Giám-Đốc Quốc-Gia Nông Cụ cơ  
giới.

Ông N.V.T làm Bộ-Trưởng trụ sở tại Cái-Sơn, chịu trách nhiệm phối trí dự án và quản trị Ngân-sách. Ông B.V.L và Ông H.B.L. phụ trách theo dõi thi hành dự án và sẽ can thiệp với nhà chức trách địa phương để nhờ giúp đỡ Ông H.V.Đ theo dõi thi hành dự án và trình Tổng Thống những đề nghị hữu ích. Các vị khác trong ủy ban vẫn giữ nguyên trách nhiệm cũ. Toàn thể ủy-ban được đặt dưới quyền Tổng-Thống.

Liên sau khi sự vụ văn thư được ký, Ông N.V.T vì tân phối-trí viên ra lệnh các kinh cắt nhà theo kiểu của Ông vẽ ngay. Ông cũng đưa tiền xuống trả cho nhân-công ngay.

Kế hoạch đang dở dang này được tiếp tục thi-hành lại, theo đó sẽ đào 17 con kinh mới và vét 2 con kinh cũ. Các kinh này đều nối liền kinh Rạch-Sỏi Bắc - Sác với kinh Rạch-Giá Long-Xuyên.

Mỗi kinh cách quảng nhau 2.000m hoặc 2.500mét nằm song song với nhau, ở hai bên và thẳng góc với kinh Rạch-Giá Long Xuyên. Mỗi kinh dài 12km, ngang 8m, sâu 1m50.

Công việc đào kinh này được khởi sự từ ngày 1.3.56. Lúc ấy, chính phủ dùng nhân công địa phương. Khi đông-bào tới chính phủ cũng dùng nhân công định cư Tổng công số nhân công lên tới 20.000 người. Các nhân-công này hợp thành từng đoàn, cho mỗi kinh. Đến tháng 5 - 56 thì công việc đào kinh hoàn tất.

Theo kế hoạch, tổng số chi phí cho việc đào và vét kinh lên tới 120.000.000\$, trung bình giá mỗi mét khối đất đào được là 35\$.

## II/ Vấn đề nhà ở cho đông-bào :

### a/ Tạm trú ở lán :

Đông bào được chuyển vận xuống Cái-sơn, đều



được tập trung vào các "lán". Đây là những trại tạm trú lớn, ở dọc bên lộ. Vật liệu được dùng là tranh và lá do nhà thầu cung cấp. Mỗi gia-dình được khoảng 9<sup>m<sup>2</sup></sup> (3x3) cứ 4 gia-dình ở 1 căn.

b/ Cắt nhà riêng cho mỗi gia-dình :

Mỗi xứ bốc thăm chọn vị trí, mỗi gia-dình bốc thăm chọn lô. Việc bốc thăm xong, dân chúng theo chân các vị linh mục vào các nơi an định.

Công việc làm nên nhà, dựng nhà khởi đầu, vật liệu do chính phủ cung cấp, đồng-bào hoặc tự làm lấy, hoặc thuê mướn, hoặc doi công và sau đó chính phủ hoàn lại 3.000\$ cho mỗi gia-dình, trong đó có 800\$ chi phí đắp nên nhà.

Cùng với việc làm nhà là việc đắp đường và cắt nhà thờ, đều thực hiện tập thể.

III/ Vấn đề canh tác :

1.- Trợ giúp của Chánh phủ :

a/ Cấp phát ruộng đất :

Mỗi gia-dình được cấp phát 3ha đất để canh tác. Để cấp phát ruộng đất, phủ Tổng Ủy Tỵ-nạn đã áp - dụng dụ số 7 ngày 5-2-1955 qui định việc tái canh-tác ruộng hoang. Đồng bào khai thác ruộng hoang với tư-cách công nhân.

Chủ điền khai báo ruộng bỏ hoang và ruộng xin giữ lại canh tác, phần còn lại bán cho chính phủ, chính phủ "cấp tạm" (chứ không cấp quyền sở hữu) cho đồng bào. Đồng-bào được cung-cấp những phương tiện để canh tác và mưu sinh. Sau này khi có đủ phương tiện, đồng-bào sẽ trả cho chính phủ, theo giá 500\$ / 1ha trong 06 năm và không phải trả tiền lời. Chính phủ mua của chủ điền cũng với giá tiền ấy và trả tiền lời cho chủ điền (5).

(5) Cuộc họp báo của Ông Bùi Văn Lương, Tổng Ủy Trưởng Phủ Tổng Ủy Định Điền ngày 16-1-1958 tại P.T.U.D.Đ.

Chủ điền có ruộng hoang, phải có bốn phần khai báo số ruộng hoang muốn giữ lại để cấy cấy trong trật. Trong trường hợp không khai báo, chủ điền bị coi như vắng mặt và chính quyền địa phương (Hội đồng hương - chính) thay thế chủ điền để ký với nông dân xin khai thác ruộng hoang kế ước loại C (kế ước loại C thời hạn 3 năm, được quyền tái tục, địa tô năm đầu không trả, năm thứ hai một phần hai, năm thứ ba 3/4 địa tô).

Việc thi hành dụ số 7 này thật là khó khăn và kéo dài mấy năm trời vì hai nguyên nhân.

α / Trước hết là việc xác định quyền sở hữu các đất đai trong vùng. Theo tài liệu của Ty Bảo - Thủ điền thổ An-Giang thời bấy giờ, có đến 636 điền chủ là sở hữu chủ lối 5.000 mẫu, còn lại bao nhiêu đều là đất Quốc-gia được khai phá mà chưa ai trình đủ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu trên các đất đó. Sự kiện này được giải thích vì những lý do sau đây.

- Sau bao nhiêu năm loạn lạc, chiến tranh, các chủ điền tại vùng này, hoặc chết, hoặc mất tích không còn liên lạc gì được nữa.

- Hoặc nếu còn các thừa kế của họ, thì các thừa kế này tán tác khắp nơi khó tập hợp để thi hành thủ tục hồ sơ.

- Nhiều chủ điền không nêu được giấy tờ chứng minh quyền sở hữu trên các sở đất, vì các giấy tờ ấy bị mất trong khi loạn lạc.

- Một số chủ điền hiện sống tại các thị-trấn, không còn thiết tha gì đến ruộng đất nữa, vì cho rằng ruộng đất nay đã hoang-vu, lại ít ỏi nên cũng không đem lợi được bao nhiêu.

β / Việc tiến hành mua đất và cấp đất cũng gặp khó khăn :

Vì các lý do sau đây :

- Nhiều chủ điền không chịu bán ruộng. Ví dụ Ông Tạ-văn-Thiên không chịu ký văn tự mà lại xin đòi ruộng lấy ruộng ở chỗ khác.

- Một số chủ điền đem ruộng cho người khác thuê mướn, với giá cao. Người này lại đòi quyền tiền mãi thửa ruộng đang canh tác, gây khó khăn cho việc mua ruộng.

- Việc lập hồ sơ phức tạp vì chủ điền không rành thủ tục, nên việc lập văn tự mất nhiều thời giờ.

- Một số thửa kể và các chủ điền còn vịn thành niên, trong khi các văn kiện pháp lý thành lập trung-tam định cư Cái-Sán không dự liệu biện pháp siết - dẹt trong trường hợp đặc biệt này, nên việc lập hồ sơ đoán mãi rơi vào tình trạng lúng túng.

- Nhiều chủ điền làm sở hữu chủ nhiều mảnh đất nhỏ trong vùng, làm khó khăn cho việc đạc gây tốn kém cho chủ điền khi làm hồ sơ đo đạc mãi.

Cùng lúc đó, dự số 57 ngày 22-10-56 cũng chỉ phối những chủ điền tại vùng Cái-Sán, nếu họ có trên 100ha đất ruộng.

Thí hành vụ này cũng gặp những khó khăn như thí hành dự số 7.

Tổng kết, tại Cái-Sán I, ruộng đất được cấp phát như sau :

- Cấp phát qua dự số 7 : 15.387ha
- -nt-     dự số 57:     669 ha
- Cấp phát theo thỏa ước 4.845 ha  
Việt-Pháp
- Cấp phát ruộng công điền  
      công thổ 6.252 ha  
                  27.153 ha

Trên thực tế đồng bào không phải trả tiền văn canh tác ruộng đất mãi cho đến năm gần đây, tình trạng pháp lý mới được giải quyết dứt khoát do việc cấp phát bằng chứng khoán cho đồng-bào.

Việc chia lô được qui định cho mỗi gia-đình một lô 3 mẫu tây (dài 1.000m x rộng 30m). Mỗi kinh có khoảng từ 400 đến 700 lô. Đồng bào được ở từ 600m trở xuống, tính từ đầu kinh, mỗi nhà xứ được cấp từ 4 đến 6 lô làm hoa lợi.

b/ Giúp cấy ruộng mùa 56 và 57 :

Theo kế hoạch thì 200 máy cấy và máy ủi được đưa đến Cái-Sơn ngay từ tháng 3 để có thể cấy ngay trong tháng 3, tháng 4 và tháng 5 đồng thời cung cấp một số trâu bò thế nào để đến tháng 6 có thể cấy lúa được. Diện tích dự trữ khai thác năm đầu là 12.000 ha.

Mãi đến tháng 5-56 cấy máy mới được chở đến nhưng chưa sử dụng ngay được vì còn phải ráp lại. Đến khi công việc ráp xong, thì chỉ có 63 máy là hoạt động được còn bao nhiêu đều ráp nhằm hay hư hỏng.

(+) Về số người lái xe và số thợ máy thì do Chính phủ tuyên nhưng cũng không đủ để hạng ngay chia thành 2 kíp như Phủ Tổng-Ủy dự định. Số nhân viên gồm tất cả 500 người, mỗi ngày máy chạy 16 giờ, mỗi kíp làm 8 giờ, cứ thế luân phiên thay đổi cho nhau.

Tính trung bình, mỗi ngày máy cấy được 4 ha.

Công việc cấy máy thật là gian nan khổ cực vì máy luôn luôn gặp những mô đất cao hay vì lún ; mặt khác ruộng đất bỏ hoang suốt 9 năm nên cỏ mọc cao khó ủi được. Khoảng 1/4 đất đã cấy, chỉ 1 tháng sau lại bị cỏ mọc lên cao, khiến phải cấy lại. Lúc ấy mùa mưa lại tới sớm hơn một cách bất ngờ, làm đồng-bào nản lòng ,

cỏ lại mọc cao hơn. Cấp trên yêu cầu nông dân mang nông cụ đi làm cỏ, nhưng họ từ chối thẳng thắn đòi máy phải lại dây cỏ. Cấp trường hợp máy cày cày đến chỗ đất lầy không cày được, yêu cầu nông dân đào lạch làm thoát nước cho khô, họ cũng từ chối. Cấp những trường hợp như thế, thợ máy lại đem máy đến kinh khác sau khi cho máy cày xong xung quanh chỗ lầy.

Mãi về sau, đông-bào thấy rõ ban quản - trị không đào lạch, họ mới bực nhau đào. Một số đông-bào định cư như tại kinh D sốt sắng hơn, tuyên bố sẵn sàng công tác khi nào cần đến. Họ đã từng kéo xe lầy lên khỏi chỗ lầy và tổ cáo thợ lái chệnh mảng, bỏ xedibán chim, hoặc cày lỏi, cày sót v.v...

Công việc tiến hành chậm chạp, không đạt tới chỉ tiêu đã định. Đến tháng 7 máy cày được tất cả 9126 ha cho mùa đầu tiên năm 1956.

Đầu năm 57 số trâu hứa giúp mỗi chỗ tới được 466 con. Đông-bào thất vọng vì cho rằng 5 lán như thế mỗi lán đủ, cho 3 hay 4 gia-đình 1 con. Khi trước số trâu định cấp là 2.400 con mua của Thái-Lan. Trâu cấp cho đông-bào, phải trả góp trong 5 năm, khi hết nợ mới thuộc quyền sở hữu của đông-bào. Số tiền đông-bào trả góp sẽ được sung vào quỹ trại để lo việc chung hay sau này mua thêm trâu mới.

Việc cấp trâu cũng gây nhiều khó khăn vì số trâu quá ít nên chỉ một vài kinh được cấp. Số trâu cấp phát đa số đều không sử dụng được vì trâu nhích phá, lại thêm những phiền toái nên đã từng xay rạc cánh giết trâu để chia ăn thịt rồi báo cáo là trâu bệnh hay sụp hố chết v.v...

Cùng với việc cấp trâu, người ta cấp cho đông-bào 650 cây tay mua ở Đại-Loan, nhưng cấp phát thế nào mà người có trâu lại không có cày và người có cày lại

không có trâu. Cây tay mảnh khảnh, mỏng, đồng bào đem cây thủ, gập chỗ đất cứng là gãy luôn, có khi gãy luôn cây.

Việc cấp trâu, cây tay dự liệu giúp đồng bào có thể tự cấy được lối 2.500 đến 3.000 ha ruộng, nhưng trên thực tế, gần như không cấy được gì cả. Mùa 57 cũng vậy do máy cấy của Quốc-Gia nông cụ cơ giới cuộc cấy giúp. Năm này cấy được lối 17.000ha nhưng cũng còn nhiều ruộng chưa được khai phá, phải đợi đến năm sau.

c/ Giúp phương tiện làm nghề nông :

Những phương tiện này gồm có :

- 15 gia thóc giống cho mỗi gia-đình
- 9.000 bao hạt giống, mỗi gia-đình được một bao gồm có : hạt bắp, hạt đậu, hạt củ cải, hạt cà chua hạt cải, hạt bí v.v...
- Nông cụ (do cơ-quan Care tặng) gồm xẻng, mai liềm, hái, bừa, cào, cào cỏ (fourche) phang (faux) cuốc bàn, bình xịt thuốc, cuốc chim v.v...

2/ Cách làm mùa của đồng-bào định cư trong mấy năm đầu tiên :

a/ Làm tập thể mùa 56 :

Mỗi xứ làm tập thể quyên cha xứ và ban quản-trị xứ, cố đặt ra lệ miễn dịch. Việc lấy mạ phân lớn đều đi xin ở các thửa ruộng của đồng-bào địa-phương (chính phủ đặt mua mạ)

Mùa đầu tiên gặp nạn chuột (chuột ở hiểm hóc lâu năm) và nạn cỏ nên không thu hoạch được mấy. Toàn vùng chỉ thu hoạch lối 7.882 tấn lúa, mỗi gia-đình trung bình được 14 thùng lúa.

b/ Mỗi gia-đình tự lo lấy năm 57 và 58 :

Qua mùa 57, việc cấy bừa vẫn do máy móc của Quốc-Gia Nông-Cuộc Cơ-Giới Cụ giúp đỡ. Sang năm này nhiều sự tiến bộ vượt bậc đã rõ rệt, nhà cửa, ruộng - vườn, đường đi v.v... đã khang trang tiện nghi.

Về mùa màng 57, đồng-bào tự lo lấy công việc gặt hái với sự giúp đỡ của đồng-bào địa-phương.

Kết quả mùa 57 khá quan hơn, thu hoạch được lợi 13.400 tấn lúa, mỗi gia-đình được lợi 20 gia.

Cuối năm 57, Cái-Sơn được địa phương hoá. Qua đến tháng 2-58 thì phủ Tổng-Ủy đình điện (thay thế phủ Tổng-Ủy di cư tự nạn cũ) loan báo rằng Cái-Sơn sau khi sát nhập vào địa phương, sẽ không còn được phủ giúp đỡ như hai năm đầu nữa. Lúc này là mùa nắng ráo, người ta chuẩn bị mùa cấy cho vụ mùa thứ ba.

Nhờ tin ấy, đồng-bào và các nhân-viên quản-tri chương trình sung sốt như sét đánh ngang tai. Toàn thể vùng Cái-Sơn xao động.

Việc cấp bách nhất lúc bấy giờ là phải giải-quyết vấn đề máy cấy ruộng, vì đoàn máy cấy của Quốc-Gia Nông-cụ cơ giới cuộc đã thực sự rút đi hết. Mọi người đều xôn xao, hoang mang, Các ban Quản-Trị cũng lâm vào tình trạng ấy, và tức tối tìm những phương thức cứu chữa.

Tại phía An Giang, Ông Tỉnh-Trưởng tức - tốc triệu tập các Linh mục để tìm l giải pháp ứng phó với hoàn cảnh. Người ta e ngại rằng khi Chính phủ thôi không giúp đỡ nữa, phần lớn đất đai sẽ bị bỏ hoang, phần lớn đồng-bào sẽ kéo nhau đi xa. Sau một cuộc tranh luận gay go, Ông Tỉnh-Trưởng An-Giang nêu ý-kiến là điều đình với Q.C.N.C.C.G.C. nơi đã thu máy cấy về, nay cho trở lại cấy thuê với giá 700\$ một mẫu tây. Ngoài ra cũng có thể thuê máy tư nhân với giá 550\$ .

Việc không thành vì đồng-bào cho rằng công quá cao, không đáng nói. Linh mục Nguyễn-Đức-Do thuộc kinh D bên nhĩ đến chuyên mời đại-diện Q.G.N.T.C. tại Long-Xuyen tới để nghiên cứu và giúp ý kiến. Ông Văn, Đại-Diện Quốc-Gia Nông Tín Cuộc đã chấp thuận lời mời của Linh-Mục Do, xuống Cái-Sán để nghiên cứu. Theo tính toán thì công cấy 2.100 ha tại kinh D sẽ là 1.470.000 vắn còn cao giá hơn tiền mua 4 chiếc máy cấy. Sau khi thảo luận, Ông Văn bàn với Linh-Mục Do là đại lý hãng Fiat không những sẵn sàng bán 4 máy với giá dưới 1.470.000 mà còn có thể cho mượn tài xe và thợ máy để huấn luyện đồng-bào.

Sau khi thảo luận, cha Do triệu tập dân, khuyến dụ họ nên áp dụng kế hoạch đó sớm chừng nào tốt chừng này để có thể khởi công cấy vào tháng 3. Theo lời Linh mục, mỗi gia-đình cần làm đơn vay theo thể lệ Q.G.T.N.C. xây 700\$/ha. Tiền này góp chung lại mà mua máy chỉ suất 2/3, số còn lại sẽ mua hạt giống và giữ gìn máy móc, sau đó đồng-bào còn lại 4 máy làm ăn.

Để cho công việc được mau chóng, Linh-mục yêu cầu dân chúng ủy nhiệm toàn quyền, thay mặt mượn tiền và chịu trách nhiệm kiểm soát công tác.

Khi dân chúng đồng thanh tán thành, Linh-mục Do cấp tốc lên Saigon gặp Ông Tổng Giám-Đốc Q.G.N.T.C. là Ông Trần-Ngọc-Liên. Theo đơn, Linh-mục vay 800\$/lha tổng cộng là 1.680.000\$ công thêm 320.000 bù đắp chi phí trong mùa này. Ông Liên bằng lòng, cử ngay ua-ban xuống điều tra.

Cuộc điều-tra của Ủy-Ban cho biết khu kinh D chưa tự túc được, 700 gia-đình nhưng chỉ còn có 50 trâu, mùa 57 mỗi gia-đình được 50 kilô, đất đai đã cấy bừa chỉ canh tác được 1/3 mùa màng lại bị chuột phá. Đã có nhiều gia-đình bỏ Cái-Sán đi.

Ủy-Ban đề nghị nên cho vay ngay một số tiền đủ dùng Ông Liên đồng ý, song ngại vì đồng-bào quen



trợ-cấp nên dễ chạy nợ và nhất là không có gì bảo đảm đất đai cũng chẳng phải của họ, mùa màng không biết có được mùa hay không.

Rút cuộc Ông liên bang lòng cho vay 1.600.000\$ thay vì 2.000.000\$ như đơn xin, không buộc xuất trình bảo chứng nào ngoài số cây máy, và lãi suất được tính 1% một tháng, Linh-mục Do phải chịu trách nhiệm về việc hoàn trả khoản nợ.

Với số tiền vay được, Linh Mục Do liên lạc với hãng Fiat để mua máy. Số tiền mua 4 máy là 1.090.000\$ còn lại 510.000\$ giao cho Ông Văn đại-diện Q.G.T.N.C. tại An-Giang để chi dùng vào việc giữ gìn, sửa chữa phí tổn khác theo lời yêu cầu của cha Do.

Ngoài khoản ấy Q.G.T.N.C. còn cấp thêm 350.000\$ để mua lúa giống. Tổng cộng là 1.950.000\$. Sở dĩ Trung Ương mạnh dạn cho vay vì ngoài mục đích Nông - Tín thương sự cạnh tác chung sẽ tạo điều kiện thuận - lợi cho việc thành lập Hợp-Tác-Xã sau này.

Khi mua được máy thì thấy có kết quả ngay. Đong-bào bỏ thái độ hoài nghi và kéo nhau ra đong làm suốt ngày, có một số bỏ Cái-Sản đi nay trở về. Tối-tháng 6, đã cấy đủ 21.000 ha. Đây là lần đầu tiên trong 11 năm nay, người ta mới đạt được.

Khi biết tin khu D vay được 1.600.000\$ toàn thể đong bào các khu khác rất vững tâm. Tất cả các kinh còn lại đều làm giấy xin vay và được 8 triệu.

Khu Kinh G gồm 230 gia-đình được 300.000\$ mua được 2 cây máy, nhưng khu đó chưa được huấn luyện cách giữ gìn, xử dụng máy móc. Tại các kinh khác, người ta vay lẽ tẻ nên số tiền cũng cấp từ người một, người ta tiền ấy để thuê cây cho kịp mùa.

Kết quả là nhờ tiền cho vay của Q.G.T. nhiều kinh đã cấy được trọn vẹn, các kinh khác dùng tiền vay đi thuê máy của người địa-phương cũng khai hoang được

đầy đủ.

## ĐOẠN II. VIỆC TRỢ CẤP

### I/ Trợ-cấp tiền mặt :

Phủ Tổng-Ủy dự trù trợ-cấp mỗi người trong mỗi gia-đình 4\$ một ngày trong 9 tháng, cho đến khi có lợi tức thu hoạch mùa đầu tiên. Tiền này được phát từng đợt.

Trước đó, khi mới xuống, mỗi người, ngoại trừ trẻ con, được cấp 244\$ làm vốn liếng.

Tổng số tiền trợ-cấp thức ăn cho mỗi người là 45.360.000\$.

### 2/ Gia-súc :

- Gà : 10.000 con trị giá 180.000 \$
- Vịt : 14.000 con trị giá 210.000 \$

### 3/ Cây trồng ăn quả :

Gồm có dứa, khóm, chuối v.v...

Hiện nay những loại này rất nhiều gia-đình còn tiếp tục nuôi dưỡng được.

### 4/ Thực-phẩm :

- |           |            |
|-----------|------------|
| - Bột bắp | - nước mắm |
| - Bột sắn | - cá khô   |
| - Bột mì  | - Nuôi     |
| - Bơ      | - Phô mát  |

Những loại thực phẩm này do các Quốc gia viện-trợ, khá dồi dào về số lượng và phạm chất-nhưng, hồi ấy đông-bào không biết xử dụng, hoặc xử dụng không đúng cách hoặc đem cho.

5/ Dụng cụ và tiện nghi :

- Mùng đôi : 6.730 chiếc trị giá 101.740.300\$
- Mùng chiếc : 15.000 chiếc trị giá 101.750.000\$
- Mỗi gia-đình được 2 thùng fuy đựng nước cùng thuốc khử trùng.
- Mỗi gia-đình được một xuống tam bản.
- Mỗi gia-đình được cấp nhiều dao, cửa tay, dụng cụ mộc, cuốc xẻng, xà beng v.v...

6/ Vấn đề Y-Tế và giáo-dục :

Việc giáo-dục do một số người đứng ra dạy các trẻ em lân cận.

Y-Tế do một phái đoàn của chiến dịch bác - ái Thanh Thương hội (gồm phần lớn người Phi Luật-Tan) giúp đỡ. Phái đoàn này gồm 3 bác sĩ và một số Y-Tá hoạt động rất đắc lực trong gần năm trời, để lại cho dân chúng nhiều cảm mến.

Sau đó bệnh-viện Cái-Sán được thành lập, tuy nhiên chỉ hoạt-dộng giới hạn.

## ĐOẠN III . QUẢN TRỊ VÀ AN NINH

## I . QUẢN TRỊ .

1/ Ủy-ban định cư trại tại mỗi kinh : gồm có :

- 1 chủ tịch
- 1 thư ký
- 1 ủy-viên tài-Chánh

Mỗi ủy-viên này được thù lao 7500 một tháng

2/ Ủy-ban định cư Trung-Tâm Định cư Cái-Sán : gồm có :

- 1 chủ tịch do phủ Tổng-Ủy di cư bổ nhiệm
- 1 thư ký do các trại bầu ra
- 1 ủy viên Tài-Chánh do các trại bầu.

- 3/ Ủy-Ban định-cư Tỉnh : do Tỉnh-Trưởng làm Chủ -  
Tịch
- 4/ Đại-Diện Định cư Tỉnh : do Phủ Tổng-Ủy di cư  
bộ-nhiệm
- 5/ Ty Đại-Diện Định cư tại An-Giang và Kiên-Giang

Các Ủy-ban định cư Trại và Trung-Tâm chỉ trông coi việc quản-trị nội bộ và thi hành dự án, còn việc Hành-Chánh và chính trị vẫn thuộc quyền ủy-ban Hành -  
Chánh sở tại.

## II . AN NINH .

Trên nguyên tắc, mỗi trại tổ chức các ban tự -  
vệ (100 nhà cử 20 người lập một ban tự vệ) thuộc quyền  
điều động của Quản-Trưởng (sau đó trở thành Dân-Vệ-Đoàn)

Nhưng trên thực tế, việc tổ chức các ban tự-vệ  
không có. Nạn trộm cướp xảy ra rất nhiều.

## ĐOẠN IV . THÀNH LẬP CÁI SẮN II VÀ CÁI SẮN III .

### I . THÀNH LẬP CÁI SẮN II

A/ Lý do : Công cuộc định cư tại Cái-Sắn I  
thành công rực rỡ. Trong khi đó, ruộng hoang còn rất  
nhiều, số đông-bào chưa có công ăn việc làm còn ối đọng  
tại Saison và Cholon.

Sắc lệnh số 103 TTP ngày 23-4-1957 thành - lập  
các khu dinh-diện. Nghi-Định số 1502 và 1503 TTP ngày  
25-9-1957. Thiết lập 4 vùng Dinh diện tại Cao nguyên Trùng  
Phan, Đồng Tháp Mười, Ba xuyên và Cái-Sắn.

Trong khoảng tháng 11 và tháng 12-1957, nhiều  
đông-bào lao động nộp đơn đi Cái-Sắn. Đến Trung - tuần

tháng 3-1958 Bộ Lao-Động yêu-cầu các nhân công nộp đơn đến Phủ Tổng-Ủy Dinh Dien để lập thẻ di dân và ấn-định ngày di chuyển.

B/ Kế hoạch : Cái Sắn II nằm về phía Nam Cái-Sắn I, khoảng 1515 mẫu ruộng được truat hữu theo du 57, Số còn lại được cấp theo Thoả-ước Việt-Pháp. Diện-Tích Cái-Sắn II khoảng 4.000 ha.

C/ Định cư và trợ cấp

1/ Định cư :

a/ tổ chức hệ thống thủy nông :

- kinh 7 : dài 11.200m, ngang 9m sâu 2m

- kinh 8 : dài 10.700m, ngang 9m sâu 2m

Mỗi kinh cách nhau 2.000m cùng nối liền kinh cái-sắn với kinh Chương-Bầu.

Công tác đào kinh khởi sự từ tháng 6 đến Trung tuần tháng 9-58 thì hoàn tất. Việc đào kinh do các và nhân công phụ-trách.

b/ Cày đất : cày đất từ đầu tháng 4 trước khi di dân đến, do cày máy của Quốc-gia Nông cụ cơ giới cuộc phụ-trách.

c/ Chia lô và cấp đất : Đất được chia thành : 1.304 lô được ấn định như sau :

- Đông-bào địa-phương được bồi thường 276 lô

- Xây cất nhà công cộng, đất của Giáo-đường 28 lô

- Đông-bào di dân 1.000 lô

về phía đông-bào di dân được ấn định :

. kinh 7 : 441 gia-đình, 441 lô đất 3 ha

. kinh 8 : 559 gia-đình, 559 lô đất 3 ha

Mỗi lô chiều dài 1000m, rộng 30m.

2/ Trọ-cấp : tháng 7-58, đơng-bào từ Saigon, Cholon xuống, đa số là đơng-bào Bùi Chu, Nam Định.

Trong lúc chờ đợi, đơng-bào tạm trú tại các trại Mỗi gia-đình được cấp :

- 1 sọt nhà
- 1 xuồng
- chăn, mùng, chiếu
- 15 kg gạo cho mỗi khẩu phần trong 3 tháng
- Ghè xiêng
- nhu dụng
- nông cụ.

## II . THÀNH LẬP KHU CÁI SẮN III

Năm 1959, phủ Tổng-Ủy Dinh Điền thiết lập Khu Cái-Sắn đợt III (Cái-Sắn III).

Theo kế hoạch, khu này định cư lối 1500 gia-đình khoảng 7.500 người trên diện tích 4.900 ha.

Khu này gồm có 2 mảnh .

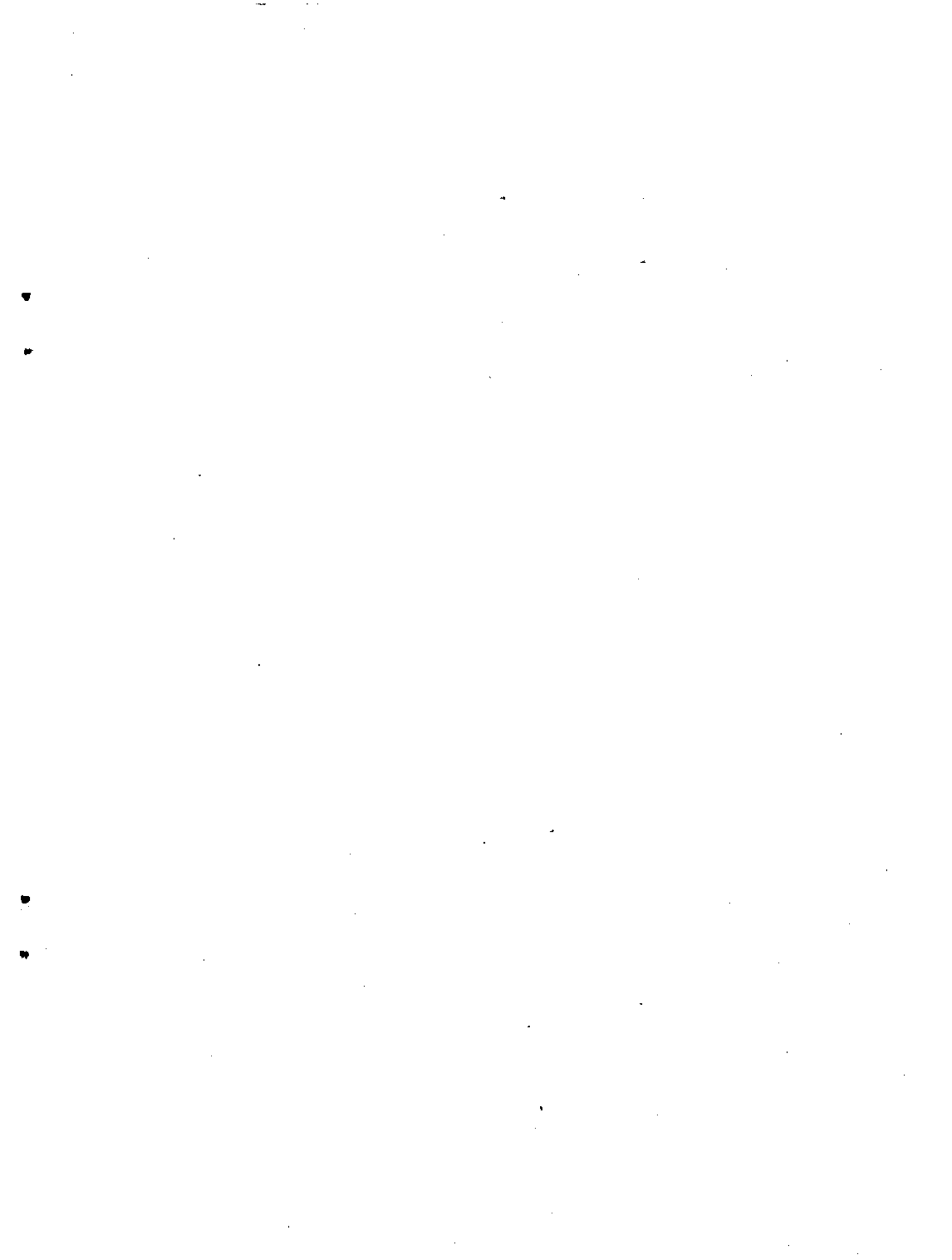
- Kinh 9 : ở phía ngoài kinh 7 và kinh 8 (Cái-Sắn II) diện tích 2.100 ha, dài 12.000m. Khu này dành cho đơng-bào di dân.

- Kinh 9 và kinh 10 : giữa Cái-Sắn I và Cái-Sắn II

o Kinh 9 : kinh này dành riêng cho chủ điền cũ cách qui khu như sau : đất của chủ điền cũ, mỗi người có nhiều thửa nhỏ rải rác, nay được quy tụ dành cho mỗi người một sọt đất duy nhất ở hai bên kinh 9. Diện-tích khoảng 1283 ha.

o kinh 10 : các đất nguyên là tư dụng Quốc-Gia, công điền công thổ của xã, những đất của chủ điền bị tước hữu theo dụ 57 được quy khu hai bên bờ kinh 10, diện-tích khoảng 1517ha. Đất này do Tòa Tỉnh-Trưởng Kiên-Giang cho mượn và thâu tô.

Việc quy khu tại kinh 9 và 10 cho đến nay còn gây nhiều tranh chấp ác liệt.



## CHƯƠNG II

### SINH HOẠT KINH TẾ

Đây là nét sinh hoạt đặc biệt của vùng Cái-Sơn, một công đồng lấy nông-nghiệp làm căn bản. Ngay trong nền nông nghiệp người ta nhận thấy có nhiều đặc điểm mà tính chất cụ truyền, khố nhọc và bảo thủ được thể hiện. Bên cạnh nền nông nghiệp, còn có những hoạt động phụ khác cũng đáng kể.

Trong hiện tại và tương lai, Cái-Sơn có nhiều điều kiện vượt mình hơn nữa.

#### Mục I

#### LỢI TỨC CHÍNH : LÚA GẠO

#### ĐOẠN I . HIỆN TRẠNG LÚA GẠO

##### I . TẠI NGUYÊN ĐẤT ĐAI .

Quảng đồng bằng Cái-sơn rộng mênh mông, hình chữ nhật, chiều ngang độ 25km, chiều dài độ 56km, diện tích độ 135,000 mẫu tây, đồng bằng Cái-Sơn do phù sa sông Cửu Long bồi đắp lên, là một phần của bán đảo Cà-Mau nằm về phía Tây-Nam và cách Saigon độ 200km.

Tuy nhiên, chỉ một phần đất đai là được dùng vào công cuộc định cư cho đông-bào miền Bắc.



Đất đai tại đây có nước ngọt quanh năm, do các con sông Cái-Sơn, Rạch-Giá, Bassac đem nước đến. Khí hậu ở đây thuộc miền ôn đới, phần lớn là nông bức quanh năm.

## II .PHƯỜNG PHÁP CANH TÁC VÀ LÀM MÙA

### I/ Giống lúa :

Tại Cái-Sơn, đồng-bào miền Bắc chỉ canh tác mỗi năm một mùa. Lúa được canh tác là lúa Sạ, giống địa phương Lúa sạ (Riz flottant) là giống lúa nổi theo mực nước vào mùa nước lớn (saison des crues) nhằm vào tháng 9, 10, 11 dương lịch.

Đến cuối tháng 11 sang tháng 12, nước sông rút bớt cây lúa nằm rạp xuống, những "mắt" lúa ở thân cây đâm ra ăn xuống ruộng vừa đóng một lớp phù-sa mỏng do nước đem vào.

Sạ là tiếng chung, có nghĩa là rải hạt xuống mặt ruộng.

Theo lời các nông gia địa-phương trong tuổi, đã lập nghiệp lâu năm tại đây, thì khoảng 30 năm trước khi có cuộc định cư, người dân chưa biết cách thức ruộng Sạ nên thường cấy lúa thường, (lúa cấy) (Riz repiqué) và hay bị thất bại vào những năm nước lớn. Ruộng bỏ hoang tại vùng Long-Xuyen Rạch-Giá và Cái-Sơn rất nhiều.

Sau bao năm cơ cực tìm tòi, nông dân mới có kinh nghiệm tìm được giống lúa Sạ. Theo lời truyền thì các nông dân vùng Chợ Mới thuộc Long-Xuyen đã có công tìm giống lúa Sạ tại đất Miền do những cuộc giao thiệp với người dân xứ ấy. Các nông dân này đem về làng xóm canh tác thử thấy có kết quả rồi đem phổ biến đến các nơi khác.

Về tên gọi giống lúa sạ này có rất nhiều, mỗi loại chỉ khác nhau một vài đặc điểm như, hoặc thơm, ngon rắn dẻo khác nhau v.v... Các nông dân thường kể các giống

lúa sạ như : Tàu núc, tàu binh, nằng lên, nằng cây, nằng rừng, móng chim, thâm hưng, trung hưng, đuôi trâu v.v...

Theo sự khảo sát của các Ty nông nghiệp tại vùng Long-Xuyên và Rạch-Giá, thì một vài giống lúa sau đây được ghi nhận là thích hợp cho vùng.

Tên giống	hình dạng	thời gian sinh hoạt	Ngày		ruộng thích hợp	đặc điểm chịu nước
			Sạ	GẶT		
Nằng Tay	Dài	190 ngày	A. <u>Giống lúa lổ</u>		Đất sò hay vữa	0,8m - 1,5m
			Cuối tháng 4 âm lịch	Giữa tháng 11 âm lịch		
Nằng Rừng	Hoi Dài	225 ngày	B. <u>Giống lúa mùa</u>		Đất sâu ít phen	1,5m - 3 m
	Dài		Giữa tháng 4 âm lịch	Đầu tháng 11 âm lịch		
Tàu Binh	Tròn	240 ngày	Cuối tháng 4 âm lịch	Cuối tháng 12 âm lịch	Đất vừa ít phen nước ra tre	2 m - 2m
Đuôi Trâu	Dài	245 ngày	C. <u>Lúa Mùa</u>		Đất sâu ít phen nước ra tre	1,5m - 2,5m
			Cuối tháng 4 âm lịch	Đầu tháng 1 âm lịch		
Trung Hưng	Dài	270 ngày	Cuối tháng 4 âm lịch	Cuối tháng 1 âm lịch	Đất vừa ít phen nước ra tre	1m - 2 m
Thâm Đung	Hoi Dài	255 ngày	Cuối tháng 4 âm lịch	Giữa tháng 1 âm lịch	Đất vừa ít phen nước ra tre	1m - 2 m

Ưu điểm của giống lúa Sạ là :

- Không đòi hỏi nhiều nhân công
- Công việc canh tác dễ dàng ít tốn kém công thuê mướn cấy, nhổ mạ v.v...
- Có thể cơ giới hoá dễ dàng.

Nhưng giống lúa sạ cũng có nhiều khuyết điểm như :

- Ruộng Sạ năng suất kém hơn ruộng cấy
- Phạm chất của hạt gạo không ngon bằng gạo cấy. Gạo sạ thường lẫn lộn, nát hạt và rẻ

Giống lúa Sạ được người địa phương dùng từ lâu và người Bắc Định cư tại Cái-sán cũng theo đó mà canh tác cho đến ngày nay.

Những năm đầu, họ còn cấy lúa thom, hạt dài trông rất đẹp mắt như lúa móng chim. Sau đến trận lụt năm 1961 lúa này chết chim hết, khiến phần lớn cánh đồng ruộng trắng xóa mênh mông nên sau đó chỉ dùng lúa thưng.

Người miền Bắc khác người địa-phương ở chỗ là không lưu tâm đến việc chọn giống lúa trắng, hoặc năng suất cao, miễn sao lúa chịu được nước lớn là đủ.

Vào các năm đầu, người định cư còn bắt chước người địa-phương gọi tên cho mỗi giống lúa, đến những năm gần đây, họ không còn phân biệt được giống lúa nào nữa.

Ngoài các giống lúa kể trên, đồng-bào còn trồng thêm các loại lúa nếp.

## 2/ Phương pháp canh tác và làm mùa :

Mỗi vụ mùa, khởi đầu từ tháng 3 dương lịch và chấm dứt vào cuối tháng I dương lịch năm sau.

Tuần tự : việc canh tác được thực hiện như sau

a/ Dọn đất : việc dọn đất gồm có đốt đồng, cày và bừa.

- Đốt đồng : Sang thượng tuần tháng 3 dương lịch rạ đã khô hẳn, người ta đốt đồng, cả cánh đồng rạ lúa, rạ cháy hết để lại cánh đồng tro đen ngịt. Tro này cũng là một thứ phân bón rất tốt cho cây lúa sau này. Tuy nhiên gặp phải những chỗ đất sâu rạ còn ở thây những chỗ cỏ đám đĩa hoặc vì khi đốt lửa không thuận chiều gió, nên còn nhiều chỗ rạ không cháy hết, hoặc chỉ cháy phớt trên mặt. Người ta lại phải đem bó cao ra đống vờ vệt thành đám để đốt, hoặc là đốt lại những chỗ chưa kịp cháy.

- Cày đất :

Việc cày đất được thông nhất trong toàn xứ đạo. Mỗi xứ thường được một máy cày phụ trách cho toàn xứ. Ngoài trừ một hai xứ sắm được máy cày chung, còn phần lớn là thuê mượn của những chủ máy người địa phương ở các nơi xa đến hoặc quen biết.

Việc điều đình, chỉ định máy, giá cả v.v..... do các vị Trưởng ấp cùng cha xứ đạo chịu trách nhiệm. Sau đó có những cuộc họp đại diện các khu để điều đình lại giá cả và an định địa điểm cày trước sau.

Về giá cả, vào những năm đầu tiên còn rẻ, chỉ độ 200\$ một mẫu đất. Giá cả năm 1973 trung bình là 3.700\$ một mẫu tây. Lúc đầu việc cày đất còn được kỹ lưỡng và chia làm 3 lần. Lần đầu cày trở vào tháng 3, lần cày lại vào tháng 4 và lần bừa đập lúa đầu tháng 5. Sau đong-bào bỏ lần bừa đập và chỉ cày lại vào đầu tháng 5 là đủ.

Việc cày cũng tùy năm, thuê được máy tốt hay máy xấu, kỹ hay dơi. Bởi vậy đong-bào ngoài tiền công phải trả theo giá an định, còn phải trả thêm tiền che chủ máy, hoặc dưới hình thức nào đó để họ cày kỹ lưỡng cho.

Việc cấy máy cũng là mối bận tâm nhiều cho đồng bào không ít, nên thường xảy ra những tranh chấp xích mích luôn. Các vị trưởng ấp thường chọn được chủ máy nào tốt bụng, có máy tốt rồi muốn luôn cho các năm sau. Tuy thế cũng không tránh khỏi sự thao túng của các chủ máy.

Đồng-bào phần thì nghèo, phần vì không biết tổ hợp hay nghi kỵ lẫn nhau nên không chung nhau góp vốn mua máy canh tác. Theo đồng bào thì giải pháp hay nhất là thuê mượn máy của những chủ khác và khoán ruộng cho họ cấy, tốt thì hưởng, xấu thì chịu.

#### b/ Sạ lúa :

Cuối tháng tư sang đầu tháng 5 dương lịch, tiết thời miền tây U ám báo hiệu mùa mưa sắp đến. Công việc dọn đất đã xong, đồng-bào chuẩn bị đem lúa giống ra ngoài đồng để sạ lúa.

Trong việc sạ lúa cần phải có hai người, ngoài những người đem lúa ra đồng. Một người chuyên việc dẫn lối cho người ném lúa đi sau người dẫn lối. Người này vừa bước vừa ném xuống ruộng. Việc ném lúa phải khéo léo, sao cho đừng dày quá hay thưa quá.

Số lượng lúa sạ mỗi mẫu tây nhiều hay ít tùy theo ruộng nhiều hay ít cỏ, ruộng nhiều cỏ trũng hay không. Trung bình mỗi mẫu tây là 4 hay 5 gia lúa (mỗi gia 40 lít). Cho nhiều cỏ, cho trũng thường phải sạ dày hơn các chỗ khác. Sạ lúa gặp mưa vừa hạt sẽ nảy mầm, nếu mưa lớn quá hay trời hạn hán cũng không tốt.

#### c/ Cách săn sóc cây lúa :

-Việc làm cỏ phải thực hiện ngay sau khi cấy lúa đã lên cao được hơn gang tay. Việc làm cỏ thường do gia đình tự làm lấy, người Bắc định cư thường rất chăm chỉ trong công việc đồng áng nên làm cỏ rất kỹ, vì thế

ruộng rất ít cỏ, chỉ những chỗ bỏ địa hoặc chỗ trũng quá thì họ làm dần dần từ năm này đến năm khác.

Việc cấy dặm hoặc sạ lại cũng không nặng nhọc lắm chỉ những chỗ nào lúa chết nhiều quá thì người ta mới cấy dặm vào đó. Nếu không cấy dặm người ta có thể sạ lúa bằng cách ngâm lúa trong bao 24 giờ, đem ra cho lúa nứt mống trong 36 giờ rồi đem sạ. Cách sau này ít dùng hơn vì không chắc ăn bằng cách trước.

#### - Bón phân :

Vào những năm sau này, đất mất chất màu mỡ dần. Có năm chỉ thu hoạch được lời 200 gia lúa mỗi thửa đất 3 mẫu tây. Gan đây, đồng-bào dùng phân bón để bón cho cây lúa.

Cách bón phân của đồng-bào có hai thời kỳ. Thời kỳ đầu vào khoảng đầu tháng 6, lúc ấy có mưa, lúa mọc hơi cao; thời kỳ sau vào tháng 9 nước lớn. Trung bình mỗi mẫu tây phải bón 3 bao phân bón, mỗi bao độ 50 ký lô. Cách rắc phân cũng tương tự như cách sạ lúa. Đồng-bào không biết gọi tên theo phân bón khoa học. Chỉ gọi theo dạng lớn hay nhỏ, màu và tính chất của hạt phân bón.

#### - Cắt lá lúa :

Gặp những chỗ ruộng sâu, hoặc gan bờ diạ lúa tốt quá, lá mọc xanh, nhiều và dày, người ta phải cắt bớt lá. Cắt lá để chim chuột khỏi làm tổ và để cây lúa vươn mạnh được. Cắt lúa thì phải cắt độ 20cm trên nách đọt lúa để khỏi làm hại cho cây lúa.

#### d/ Cắt lúa :

Vào khoảng cuối tháng 12 dương lịch, lúa chín nằm rạp theo chiều gió đông-Bắc Tây Nam. Nước ngoài đồng cũng rút hết xuống kinh rạch, ngoài trừ những chỗ

trùng sâu.

Tùy theo giống lúa sớm hay muộn người ta phải bắt đầu định ngày gặt cho đúng lúc. Về nhân công đi gặt thì tùy theo gia-đình có người thuê mướn trọn ven có người tự làm lấy trọn ven, có người thuê mướn một phần còn tự làm lấy một phần.

Người làm thuê thường là người cùng khu xóm hay do các người địa-phương ở các vùng phụ cận đến tiếp tay vì lúa của họ có thể gặt trễ hơn.

Công gặt thường được thống nhất trong toàn vùng tuy thế, có chỗ cao hoặc thấp, nhưng cũng không xê dịch nhau nhiều lắm. Tiền công gặt được tính theo đơn vị 'Công', 'Công' là đơn vị địa-phương, hầu hết người miền Nam đều dựa vào đơn-vị này. Trị giá tiền công gặt năm 1972 là 850\$ một công tùy theo vị-trí đất. Công là đơn vị được tính theo chiều dài là 14 tam, mỗi tam 3 mét tay, chiều ngang là 30M. Tính theo đơn vị diện tích là công, thì một người đi gặt thuê thường phải có sức khỏe dẻo dai để gặt một công lúa từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều kể cả thời gian nghỉ một và ăn uống. Nếu yếu hơn đến 7 giờ tối cũng phải xong.

Tại khu Cái-Sơn ngoài việc gặt lúa nhà, các gia-đình còn phải gặt lúa cho nhà sử. Đây là một nghĩa vụ đối với việc chung.

Nhìn chung, công việc gặt lúa, hoặc đóng ảng của đồng-bào định cư Cái-Sơn càng ngày càng bắt chước kinh-nghiệm và phương pháp của người địa-phương vùng lân cận. Các năm đầu gặt tác, kỹ thuật còn vụng về, chậm chạp, sau này tiến bộ hơn. Đó cũng là một đặc điểm nông nghiệp của vùng Cái-Sơn vậy.

e/ Gom lúa :

Ở các chỗ trùng còn nước, nhiều khi lội đến

gan thất lung, việc gặt lúa gom lúa rất khó cực. Lúa gặt xong phải gom lại ngay rồi phơi ở chỗ cao ráo cho khô mọc mầm. Những chỗ trũng quá phải dùng thuyền bằng tôn kẽm để kéo lúa, thuyền này được các gia đình làm tiểu công nghệ sản xuất tại chỗ, giúp các gia đình nông nghiệp làm việc đông ảng. Lúc gom lúa phải để khéo léo tránh gió thổi xoáy đi làm vương vãi bông lúa.

f/ Đem lúa về nhà :

Việc đem lúa về nhà cũng tương đối vất vả. Người dân định cư còn dùng những kỹ-thuật cổ-truyền như gánh hoặc đội. Trung bình một gia đình gom 3 nhạ công có thể đem hết lúa một thửa ruộng 3 mẫu tây trong một tuần lễ.

Kỹ-thuật tân tiến dựa vào máy móc để chuyên chở lúa về nhà vẫn còn lẻ tẻ, một phần vì thiếu vốn để mua máy móc, một phần vì do địa thế của các thửa ruộng không cho phép chuyên chở bằng máy móc.

g/ Ra hột lúa :

Dựa vào sức người, đồng bào dùng 2 phương pháp đập lúa và trục lúa. Đập lúa phải cần người có sức mạnh, lúa phải bố thành mố nhỏ.

Trục lúa cần ít nhất hai người, thường là ba hoặc bốn, trong đó một người kéo và các người khác đẩy. Việc trục nhạ hột, mau hơn nhưng phải có đủ người mới trục được. Gan đây, việc làm lúa ra hột đã chuyển sang giai đoạn dựa vào sức máy móc. Đồng-bào chỉ việc dọn sân lúa cho rộng rãi, sạch sẽ rồi rắc lúa trên sân để cho máy cày đập. Trung bình một máy cày đập được 02 thửa đất 6 mẫu tây trong một ngày. Giá thuê đập lúa năm 1972 là 3.000\$ mỗi thửa.

Lúa được làm hột xong là mùa màng cũng gần hoàn tất. Chỉ còn việc "rê" lúa và phơi lúa rồi đem cho



vào "bò" là xong.

Mùa làm lúa thường kéo dài độ một tháng, từ sau lễ giáng-sinh đến trước Tết nguyên đán. Đồng bào thường cố gắng làm lúa xong trước để chuẩn bị antetcho thư thái.

### III . NĂNG SUẤT - PHÍ TỐN

Về phí tổn, khó mà xác định được vì những lý do sau đây :

- Thứ nhất : Không xác định được thù lao nhân công, vì nhân công chính là người đứng ra canh-tác thửa ruộng, chăm nom thửa ruộng.

- Thứ hai : Phí tổn nông nghiệp còn lệ thuộc vào giá lúa và giá phân bón v.v... Ở thị trường. Nếu các giá này thay đổi thì làm thay đổi phí - tổn nông nghiệp.

Chỉ một vài loại phí tổn là có thể xác - định được. Thí dụ trong năm 1972 một thửa ruộng 3 mẫu tây phải trả những phí tổn sau đây :

- Công cấy bừa : 11.000\$
- Giá thóc giống : 10.000\$ (giá 10x1.000)
- Phân bón : 20.000\$ (20 bao)
- Công gạt : 18.000\$

Các phí tổn này dù có thể xác định được nhưng cũng chỉ có 2 loại phí tổn chắc chắn phải trả là phí tổn cấy bừa và phân bón. Thóc giống ở trong kho do gạo còn công gạt hoặc có thể thuê mượn hết hoặc tự làm hết.

Về năng suất thu hoạch hàng năm, mỗi thửa ruộng tại Cái-Sắn tùy theo các con kinh đất xấu hay tốt, có thể thu hoạch từ 250 đến 350 tạ lúa.

Năng suất trung bình của một công lúa là 12 gia đến 16 gia lúa. Nhưng chỗ đất phèn, năng suất thường chỉ độ 7 hoặc 8 gia, ngược lại những chỗ trũng thường lên đến trên 20 gia.

Trung bình, mỗi mẫu tây thu hoạch được từ 85 đến 120 gia lúa (mỗi gia lúa 40 lít). Năng suất này không chênh lệch nhau lắm trong toàn vùng, vì các gia đình có diện tích như nhau và cùng cố những cố gắng như nhau.

Tuy nhiên so với năng suất tại các thửa ruộng của đông-bào địa-phương vùng lân cận thì năng suất này ở giữa hai mức độ quá cao và quá thấp.

Khu phía Nam thuộc Cái-Sán và vùng lân cận của khu ấy đất đai màu mỡ nhất vì có nhiều kinh rạch chằng chịt. Vùng này năng suất cao gấp bội, có thể cấy lúa than nóng hai mùa vì sản nước. Các kinh 6, 7, 8 thuộc khu Cái-Sán chịu ảnh hưởng của vùng này.

Khu phía đông thuộc Cái-Sán và vùng phụ cận (đơn điền Cờ Đỏ thuộc Can Thơ). Ít kinh rạch, đất đai kém màu mỡ nên năng suất thấp nhất. Các kinh thay kỷ, đoạn cuối kinh Rivera và kinh Tân-Hiệp chịu ảnh hưởng của khu vực này.

Các khu phía Tây và Bắc thuộc Cái-Sán và vùng phụ cận đất đai trung bình nên năng suất ở vào giữa mức độ khu phía Nam và phía tây. Hầu hết các kinh còn lại chịu ảnh hưởng của khu vực này. Tính theo giá thị trường, trung bình 1.000\$ một gia (mùa 1972), một thửa đất 3 mẫu tây thu hoạch được một năm:  $1.000 \times 300 = 300.000\$$ . Số thu hoạch này tương đối kém cỏi. Đó là hoàn cảnh chung của các gia đình tại vùng định cư Cái Sán.

## IV . VAN DE TIEU THU VA TIEP THI LUA GAO

1/ Vấn đề tiêu thụ :

Tại vùng đồng-bằng Cái-Sơn, sản xuất lúa gạo chính yếu là để tiêu thụ trong gia-đình phần còn lại mới đem bán ra thị trường.

Lúa gạo được dùng chung cho người và chăn - nuôi heo gà vịt. Việc xay lúa đã có nhà máy xay, đồng-bào chỉ việc đóng lúa thành bao rồi để ở bờ kình, các ghe thuyền chuyên hành nghề xay lúa giúp đồng-bào đến bốc lúa đi và chở gạo về. Theo giá hiện thời, cứ xay độ 10 giạ lúa tốn khoảng 1.000\$.

2/ Vấn đề tiếp thị :

Hàng năm, đồng-bào Cái-Sơn cung cấp cho thị trường một số lượng lúa đáng kể. Hầu hết các gia-đình đều có dư lúa gạo để bán ra ngoài. Tuy nhiên việc bán lúa gạo không phải là hoạt động thường xuyên và chính yếu, trái lại bán lúa là tùy theo nhu cầu cần tiền mặt trong gia-đình. Người ta chỉ bán lúa khi cần tiền để trang trải nợ nần, để sửa sửa hay vào những chi - tiêu có tính cách thường xuyên như đóng học phí cho con em cần tiền đi chợ búa v.v...

Đồng-bào có khuynh hướng giữ lúa để mùa giáp hạt mới đem ra bán để lấy giá cao. Giá lúa đầu mùa và cuối mùa thường chênh lệch nhau từ 300 đến 400\$ một giạ nên ít ai chịu bán lúa đầu mùa chỉ trừ trường hợp bất khả kháng.

Trong các kình, mỗi ngày ghe thuyền đi đóng lúa ra vào đều đặn. Các ghe thuyền này hầu hết là của đồng-bào địa-phương, đóng lúa cho các chủ chành. Đồng bào định cư chỉ đóng vai trò người sản xuất và cung -

ứng, họ không đứng ra hoạt động, mua lúa để tiếp tế cho các nơi. Chính vì thế mà giá lúa gạo rất hạ so với tỉnh thị. Các lái lúa không phân biệt phẩm chất lúa mà đứng mua tất cả theo giá họ định. Những người cần tiền buộc lòng phải bán theo giá ấy nên chịu nhiều thiệt - thòi.

Nói tóm lại, đối với nông dân vùng Cái-Sơn, việc sản xuất lúa gạo để tiêu thụ là chính yếu, việc tiếp tế chỉ là phụ thuộc, hoàn toàn ngoài sự kiểm soát của họ.

## DOAN II CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NĂNG SUẤT

Có những yếu tố ảnh hưởng thuận lợi trên năng suất và ngược lại có những yếu tố ảnh hưởng bất lợi năng suất. Cả hai loại yếu tố trên rất nhiều, nhưng có những yếu tố rất rõ rệt tại địa-phương Cái-Sơn nói riêng.

### 1. YẾU TỐ THIÊN NHIÊN

#### a/ Đất đai :

Đất đai tại khu Cái-Sơn là đất thịt, màu mỡ. Nhờ hệ thống kinh rạch nên đất càng ngày càng ít phen. Ngoài ra nhờ đất đai tốt mà đòng-bào còn trong được nhiều loại hoa màu phụ.

#### b/ Hệ thống kinh rạch :

Tại khu Cái-Sơn, kinh rạch chằng chịt, các con sông như Rạch-Giá, Long-Xuyen, Rạch Sỏi, Bassas, Sông Cái-Sơn và 17 con kinh đào chiều dài đến 210 km đã tưới nước cho 77.000 mẫu ruộng trong đó có 34.253 mẫu thuộc về đòng-bào miền Bắc định cư.

Nhờ có hệ thống kênh rạch mà phen chủa được trôi chảy hết. Hiện này nhiều người thuộc khu Cái-Sơn đã lợi dụng nước tại các kinh đê cấy lúa 2 mùa, gia tăng năng suất.

Cũng nhờ hệ thống kênh rạch mà nước sông Cửu Long khi lớn được phân phối đều hoà, tránh được nạn lụt lội tại khu Cái-Sơn, và cung cấp một nguồn lợi cá đồng đáng kể cho đồng-bào.

## II . YẾU TỐ NHÂN SỰ

Có 3 yếu tố nhân sự ảnh hưởng đến năng suất đó là thái độ của nông dân đi cư, việc mất một số nhân công hoạt động vì nghĩa vụ quân sự và nhịp độ gia tăng dân số.

### A. Thái độ nông dân :

Thái độ nông dân vùng Cái-Sơn bao hàm 2 đức tính đối nghịch. Đó là đức tính cần mẫn và thái độ bảo thủ.

#### I/ Đức tính cần mẫn :

Người dân định cư tại Cái-Sơn rất tha thiết với công việc đồng áng. Vì biết rằng lợi tức chính yếu để nuôi sống gia đình là lúa gạo, nên ai này đều nỗ lực làm việc sao cho được mùa nhiều thóc gạo. Đức tính này trội yếu so với các đồng-bào địa-phương lân cận. Muốn cho ngày mùa nhiều thóc gạo, đồng-bào làm việc chăm chỉ, từ việc làm cỏ cho sạch sẽ, rắc phân bón đều đặn, gặt hái kỹ càng v.v... đều được làm chu đáo, tươm tất.

Ngoài sự cần mẫn, đồng-bào Cái-Sơn còn biết phòng xa danh dự. Tại khu Cái-Sơn, ngoài những người làm việc thương-mại, buôn bán còn những gia-đình nông

dân ai ai cũng phải làm việc, không có ai được tự xem là địa chủ, chỉ ngồi chơi hưởng lợi. Đặc tính can đảm được thể hiện qua các sự kiện sau :

- tuổi làm việc sớm
  - tuổi làm việc cao
  - tính chất di động của công việc :
- ngồi việc đông áng, còn phải chăm nom vườn tược, các học sinh vừa đi học vừa giúp đỡ cha mẹ, người lớn còn đi làm thuê giúp đỡ lẫn nhau.

## 2/ Thái độ bảo thủ :

Thái độ bảo thủ được thể hiện trong công việc đông-áng như sau :

### - Thiếu óc kinh doanh :

Không một ai trong các gia-đình nông dân tại Cái-sơn nghĩ đến việc mượn vốn để làm ăn. Họ không thích trong công việc làm ăn lại phải đi mượn vốn của kẻ khác. Đối với họ miễn sao cho đủ cơm ăn áo mặc là đủ, không cần dấn thân vào những mạo hiểm bất trắc mà kết quả chưa thể đo lường được. Các gia-đình nông dân tại Cái-Sơn ít nghĩ đến việc vay tiền của các cơ-quan nông tín để làm mùa. Thỉnh thoảng lắm mới có gia-đình do sự quen biết, tìm vay vốn của ngân-hàng phát triển nông nghiệp. Đại đa số, cố gắng tận tiện để khỏi vay mượn của người khác.

Phan đông các gia-đình đều không vay mượn của người khác chỉ trừ những số tiền nhỏ hoặc khi phải làm những việc to tát như xây nhà cửa, làm lễ cưới hỏi... Ít có ai vay mượn tiền để sắm máy cày, mua máy bơm nước để làm lúa thặng nông. Họ quan niệm những việc này chỉ có thể thực hiện được khi đã đủ vốn, nếu chưa đủ thì thà đem sức người, vốn của mình ra làm cho ăn chắc.

Các gia-đình nông dân địa-phương vùng lân cận

có óc kinh doanh hơn. Họ sắm sửa máy cày, máy bơm nước bình xịt thuốc trừ sâu bọ.

Người dân định cư Cái-Sơn và ty nông-nghiệp tại Tỉnh không có một quan hệ mật thiết nào, trong khi đó, người dân địa-phương thường liên lạc với Ty này và ngay cả với các cơ-quan nông-tín. Tại các thửa ruộng của đồng-bào định cư, không có sự phổ biến các dự-án phương pháp trồng lúa than nóng, lúa miễn v.v... việc cấy lúa than nóng tại một số thửa ruộng chỉ là sáng kiến riêng của một số gia đình nhưng năng suất vẫn kém

- Khuynh hướng cá nhân hay thiếu sự cộng tác tin tưởng :

Mỗi gia đình nông dân tại Cái-Sơn là một đơn vị kinh tế biệt lập. Họ có đủ điều kiện để cộng tác với nhau nhưng họ thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Câu phương ngôn "Yêu nhau thì rào dậu cho Kín" đã thể hiện khuynh hướng ấy.

Mỗi thôn ấp, xứ đạo tại khu Cái-Sơn là một cộng đồng chặt chẽ, nhưng chỉ về phương diện tín ngưỡng, truyền thống và tình cảm, còn về phương diện kinh tế, mỗi gia đình là một đơn vị rời rạc, biệt lập. Sự thuê mướn, giúp đỡ nhau, đổi công cho nhau, nếu có cũng chỉ hạn hẹp, thỉnh thoảng.

Các ban quản trị Hành-Chánh, xứ đều không có đầu óc kinh tế. Họ chỉ thuận tụy lo về tín-ngưỡng hoặc Hành-Chánh, ít có dịp đề dè cập đến một phương thức kinh tế chung. Sự lãnh đạm khiếm khuyết này là đặc điểm chung của hầu hết các thôn ấp. Các Linh-Mục cũng chỉ khép kín vai trò của mình trong lãnh vực phụng vụ và giáo hội, trên căn bản tinh thần hơn là vật chất. Đối với các Linh Mục, nhiệm vụ của họ là hướng dân giáo dân song theo nếp song đạo đức, duy -

linh, ít có vị linh mục nào quan tâm đến đời sống vật chất an lạc của con chiên. Trường hợp Linh-mục Dodring ra hộ hào dân chúng góp vốn mua 4 máy cày tại khukinh D là trường hợp duy nhất.

Các ban quản trị hành-chánh và giáo xứ dodan chúng bau lện, nhưng không giữ vai trò bộ tham - mưu kinh tế. Hàng năm họ cũng chỉ thảo luận việc mua mấy cây chung cho toàn xứ, ít có ban quản trị nào pháchoạ một kế hoạch chung cho tập thể.

Nói chung, các vị Linh-mục và các ban quản - trị chưa ý thức rõ nhiệm vụ của mình. Mặt khác họ còn e ngại sự dị nghị nghi ngờ của dân chúng. Sự lãnh đạo khịem khuyet này đưa đến hậu quả là ngoài nguyên tắc tập thể chó nhà xứ, không còn nguyên tắc tập thể nào khác.

B.- Việc mất nhận công hoạt động : (các thanh - niên nhập ngũ).

Trong hoàn cảnh chiến tranh, các thanh - niên phải phục vụ trong quân ngũ. Đây là thành phần hoạt - động nhất tại khu Cái-Sắn nói riêng, nhưng không phải vì thế mà nền nông nghiệp bị suy giảm, trái lại vẫn giữ được mức độ bình thường từ trước đến nay.

C. Nhịp độ gia tăng dân số :

Năm 1956, tổng số dân định cư tại Cái-sắn là 56.750 người, cho đến nay, con số đã lên gần đến : 100.000 người sinh xuất cao hơn tử xuất. Trong hiện tại vấn đề gia tăng dân số đã bắt đầu gây khó - khăn trọng lãnh vực nông nghiệp. Triệu chứng bề tức đã xuất hiện, do sự sinh sản mau lẹ và việc thành lập gia đình mới do cặp đôi hôn nhân. Khởi đầu, mỗi gia-đình đi định cư đều được cấp 3 mẫu ruộng, chờ đến nay, nhiều thửa ruộng đã te phạn do các bậc cha mẹ san sẻ ruộng



nuông cho các con cái lập gia-đình. Số ruộng tế phân này khá nhiều, do các cuộc hôn nhân càng ngày càng gia tăng. Hậu quả là nhiều người làm chủ những mảnh ruộng nhỏ và vì vậy, sản ngạch lúa hàng năm của họ kém.

### III . VỀ TỔ KỸ THUẬT

#### A. Phân bón và thuốc sát trùng :

Ngày nay hầu như toàn thể vùng Cái - Sắt đều dùng phân bón, còn thuốc sát trùng thì rất ít.

Phân bón dùng nhưng không được hưởng - dẫn chuyện môn, việc sử dụng lại gặp nhiều khó khăn khác về giá cả và thị trường. Thị trường phân - bón không được tự do mà chỉ do một số con buôn cùng một số viên chức xã áp độc quyền tiếp tế. Điều này làm thiệt hại cho nông gia vì họ phải mua với một giá cao khủng - khiếp. Có khi tìm kiếm mà không mua được khiến cho mùa màng bị ảnh hưởng thấp kém .

Nông gia nào cũng phải dùng phân bón và bọn đầu cơ đã tạo ra sự khan hiếm giá tạo để tăng giá . Nông gia khổ lòng khám phá được ý đồ của bọn con buôn cùng một số viên chức xã áp trục lợi. Họ cần phân bón để bồi bổ cho đất đai nên sẵn sàng mua với giá cao.

#### B. Nông tín :

Dưới thời đế I Cộng-Hoa, nông gia được vay tiền của Quốc-Gia Nông tín cuộc. Số vay giới hạn và không được sử dụng đúng mục tiêu đã không đem lại kết quả thiết thực. Lúc ban đầu đồng-bào còn trả nợ, sau đó họ không trả viện lẽ nghèo túng. Họ cũng chưa ý - thức được mục tiêu và vai trò của nông tín và chỉ quan niệm nông tín như một món tiền nhỏ chính phủ cho mượn tạm, nếu sung túc thì trả nợ bằng không thì thôi.

Vì quan niệm như thế nên đồng-bào không sẵn lòng trả nợ, lại tìm cách né tránh. Rất nhiều đồng-bào định cư tại Cái-Sán còn thiếu nợ Quốc-Gia Nông-tín cuộc cũ. Nông-tín chỉ gây sôi động được một vài năm sau rồi chìm dần trong quá khứ. Định chế Ngân Hàng phát triển nông nghiệp và ngân hàng nông thôn cho đến nay vẫn còn xa lạ đối với nông gia Cái-Sán.

Vào năm 1973, một Ngân Hàng Nông thôn được thành lập tại Quận Kiên Tân. Đây là cơ-quan nông-tín đầu tiên đứng ra hoạt động công khai tại khu Cái-Sán.

### C. Cơ giới hoá :

Qua 18 năm khai thác vùng Cái-Sán cho đến nay nông dân vẫn chưa làm quen với các nông cụ máy móc. Chỉ có một số ít thửa ruộng cấy lúa thân nông là dùng máy bơm nước máy cấy tay nhỏ, nhưng cũng chỉ chiếm một tỷ lệ khoảng 2%.

### D. Chương trình lúa Thân Nông :

Hiện nay tại vùng Cái-Sán, có nhiều thửa ruộng đã canh tác lúa thân nông, do chính bàn tay người nông dân định cư, dựa vào sự học hỏi kinh nghiệm của đồng-bào địa phương. Sự canh tác này đã đem nhiều thành quả khích lệ nhưng chưa có ảnh hưởng sâu rộng trong quan chúng.

Tóm lại, qua các yếu tố thiên nhiên, nhận sự và kỹ thuật ảnh hưởng trên năng suất trên đã phản ảnh một tình trạng nông nghiệp khiêm dụng. Tình trạng này gồm các sự kiện sau :

- diện tích canh tác không tăng
- nhịp độ dân số tăng nhanh trong khi năng suất không đổi.
- ruộng đất càng ngày càng bị tẻ phân,

số người canh tác các thửa ruộng nhỏ càng ngày càng nhiều.

Trong tương lai, nền nông nghiệp sẽ gặp phải nhiều khó khăn nội tại, nếu không kịp thời cứu chữa bằng những biện pháp cụ thể có hiệu quả.

## Mục II

### LỢI TỨC PHỤ

Ngoài lúa gạo là lợi tức chính nông dân khu Cái-Sơn còn thu hoạch được lợi tức phụ, nhiều hay ít tùy theo mỗi gia đình. Các nguồn lợi tức này tuy không quan trọng mấy nhưng phản ánh một vài nét đặc thù của người dân miền Bắc

#### ĐOẠN I HOA MÀU PHỤ

##### I. THUỐC LÀO

Thuốc lao là một loại thuốc hút đặc biệt của người miền Bắc được đem giồng từ khi di cư. Thuốc lao này được trồng tại nhiều nơi nhưng nhiều nhất là tại vùng Cái-Sơn. Vào các năm thuốc lên giá, do sự tiêu thụ nhiều (1965, 1966, 1967) nông dân thu hoạch được một lợi tức đáng kể. Trung bình trồng 1.000 cây thuốc sẽ thu hoạch được lãi 30.000\$ đến 40.000\$ mỗi năm tùy theo thuốc ngon hay kém.

Tại mỗi kinh thuốc khu Cái-Sơn, đầu đầu cũng thay trong thuốc lao, nhiều nhất là kinh A và kinh C. Ngoài trừ một số ít gia đình ít người không đủ nhân công, còn gia đình nào cũng có trồng ít nhất cũng khoảng 500 cây, nhiều nhất là 10.000 cây hay hơn nữa

Cách trồng trọt và chăm sóc cây thuốc vất vả

hơn bất cứ một loại thực vật nào, nhưng người nông dân Cái-Sơn vẫn ham thích là vì trước nhất trồng để hút trong gia-đình, tiếp khách, sau đó để đem bán trên thị trường.

Mùa thuốc Lào khởi đầu từ đầu mùa gặt và chấm dứt vào đầu tháng sáu, tức đầu mùa mưa. Từ năm 1970 đến nay, loại nông sản này được trồng ít vì công lao quá khó nhọc, và không cạnh tranh nổi thuốc điều của thị trường.

Tuy nhiên, thuốc Lào là một nông sản đặc biệt tại vùng Cái-Sơn, nó gắn liền với nông dân, lúc nào cũng chat phác và cối mỡ.

## II . ĐAY BỐ

Mùa trồng đay được trồng vào hạ tuần tháng 5 dương lịch khi bắt đầu có mùa mưa. Việc trồng rất giản dị, chỉ cần ném hạt đều tay xuống ruộng, mọc và cao mau chóng, chỉ độ tháng rưỡi là lên cao đến 2m. Lúc ấy người ta nhổ những cây cao bóc lấy vỏ, cao và đem phơi. Dây đay bền và chắc được dùng để đan võng, hoặc đem bán. Ruột được bó đem ngâm rồi phơi làm củi chat.

Trồng đay không tốn công chút nào, lợi tức thu được cũng đáng kể. Nếu trồng được 20 kilô đay đay có thể thu được 7.000\$. Ngoài ra lá cây đay có vị đắng còn được dùng nấu canh khi còn non.

## III . CHUỐI

Chuối tại vùng Cái-Sơn rất nhiều nhưng nông gia ít chăm sóc vì chuối dễ mọc. Chuối trồng đủ ăn quanh năm, lại còn đủ đem bán đưa đi các nơi khác.

#### IV RAU TRÁI

Mỗi gia-đình nông dân Cái-Sán đều có một mảnh vườn sau nhà. Vườn được trồng đủ thứ : rau đay, mồng tơi, sà lách, cà, rau thơm, ớt, hành v.v...

Rau trái trồng đủ ăn quanh năm trong vùng.

#### ĐOAN II NGŨ NGHIỆP VÙNG CÁI SÁN

Cái sán là vùng nông nghiệp, nên hoạt động ngư nghiệp chỉ là phụ và lẻ tẻ,

##### I . NGÀNH CÁ SÔNG

Các ngư thuyền (còn gọi là thuyền chài) chỉ bắt được nhiều cá vào mùa nước lớn, trong đó có loại cá "linh" rất nhiều được dùng làm nước mắm địa-phương.

Mùa nước cạn các ngư thuyền ít hoạt động vì ít cá. Đặc điểm ngư nghiệp ở vùng Cái-Sán là mùa nước lớn (khoảng 4 tháng) cá nhiều và rẻ, lại dư dùng đem đi bán ở các nơi, mùa nước cạn cá hiếm hơi phải ăn cá biển ở Rạch-Giá chở về.

Các ngư thuyền (thường do một làng hợp thành đã từng đánh cá ở miền Bắc) thường dùng những loại dụng cụ bắt cá đơn sơ như : vó bè, đáy, chài và lưới v.v....

##### II . NGÀNH CÁ AO

Ngành này kém quan trọng hơn ngành cá sông,

á ao địa gồm có cá đồng và cá nuôi.

Cá đồng rất nhiều vào thời kỳ nước lớn. Nông dân bắt cá nhờ giăng câu, cắm cần, thả lưới ở ngoài đồng, ao, địa v.v... vào mùa nước cạn, sau dịp tết, nông dân tát ao địa nhờ máy hút.

Cá nuôi trong ao thường là cá chọn lọc như cá chép, cá vồ, cá tra, cá rôí hoặc nhiều loại cá trắng khác.

Cá nuôi thường do kinh nghiệm chứ không có một hướng dẫn chuyên môn nào, do đó có nhiều nông gia đã thất bại.

### ĐOẠN III CHĂN NUÔI GIA SÚC

Nông súc rất hiếm hoi, nhưng gia súc khá đầy đủ. Việc chăn nuôi gia súc chỉ có tính cách gia đình, ít có những gia đình nào chăn nuôi được quy mô với số lượng đáng kể.

Việc nuôi heo dư dùng có thể đem bán cho các lái heo chở đi các nơi khác. Thường chừng gia đình nào cũng nuôi độ từ 3 đến 10 con. Trung bình heo nuôi một năm mới đem bán được. Thực phẩm thường dùng là chuối, gạo, cám tấm và cá.

Việc nuôi gà vịt cũng kém sầm uất. Nông dân thường chỉ nuôi đủ dùng trong nhà, còn dư mới đem bán đi các nơi khác.

Nói chung, ngành chăn nuôi kém quan trọng. Ngành này có nhiều cơ hội phát đạt hơn nếu được khuyến khích đúng mức và được hướng dẫn cách thức chăn nuôi khoa học, phòng bệnh và ngừa bệnh cho gia súc tránh những bệnh dịch truyền nhiễm.

#### ĐOẠN IV TIÊU CÔNG NGHỆ

Ngành tiêu công nghệ ít quan trọng và được tập trung thành một số gia-đình.

Tại các kinh G và H có nghề làm pháo. Các kinh này vì ở miền thôn quê nên ít bị kiểm soát. Ngoài ra còn có nghề đan như đan thúng, rổ, rá, chiếu, cút-quay lúa, nón v.v... Một số gia-đình còn làm nghề nấu bánh trắng, làm bún v.v...

#### ĐOẠN V GIAO THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI

Tại một số đầu kinh như kinh D, kinh Rivera, kinh Tân-Hiệp, kinh tám, đong-bào di cư không hoạt động nông nghiệp mà sinh sống bằng nghề buôn bán, họp thành dãy phố.

Các đong-bào này nguyên cũng là người định cư nhưng không vào các kinh để cấy cấy, mà mua lại các đất đai của người địa phương rồi buôn bán kiếm kế sinh nhai. Lúc đầu còn thừa thớt sau tập nập dần. Việc buôn bán nhằm cung cấp mọi tiện nghi, dụng cụ cho đong-bào đồng thời mua nông sản đem chở đi các nơi.

Về hoạt động giao thông, cũng khá sầm uất vì giao thông dưới nước tiện lợi và mau lẹ. Tại khu Cái-Sán, mỗi con kinh dài trung bình 12km (phan người định cư ở) nên ngoài việc di chuyển bằng đường lộ ở 2 bên bờ kinh, việc di chuyển bằng thuyền bè cũng tiện lợi, nhất là về mùa mưa đường sá trơn trượt.

Trong mỗi kinh, thuyền bè di chuyển rất nhiều do chính người dân định cư sắm lấy. Các thuyền bè này đều được gắn máy đủ loại, dùng để chở hành khách, học sinh dùng vào việc buôn bán v.v...

CHƯƠNG III

**SINH HOẠT HÀNH CHÍNH — CHÍNH TRỊ**

**AN NINH — XÃ HỘI — Y TẾ — GIÁO DỤC**

Mục I

NỀN HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI

ĐOẠN I TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH

I/ Các đơn vị Hành-Chính :

Khu Cái-Sán từ khi được địa-phương hoá, trở thành 3 xã :

a/ Xã Thanh-An, thuộc quận Thốt-Nốt, tỉnh An-Giang. Xã này nguyên thuộc khu Cái-Sán I và một phần nhỏ đất đai địa phương.

Diện tích : Xã Thanh-An gồm 14 ấp đồng-bào Bắc di cư và 3 ấp đồng-bào địa-phương. Diện tích 16.337 ha. Các ấp tại Xã Thanh-An là :

- Ấp kinh B I .....	: - Trên 9 km <sup>2</sup>
- -nt- B2 .....	: - -nt-
- -nt- C1 .....	: - -nt-
- -nt- C2 .....	: - -nt-
- -nt- D1 .....	: - -nt-
- -nt- D2 .....	: - -nt-
- -nt- E1 .....	: - -nt-
- -nt- E2 .....	: - -nt-
- -nt- F1 .....	: - -nt-
- -nt- F2 .....	: - -nt-
- -nt- G1 .....	: - -nt-
- -nt- G2 .....	: - -nt-
- -nt- H .....	: - 5km <sup>2</sup> 250



- Ấp kinh Thầy ký : - 7km<sup>2</sup>350
- Ấp Phụng quới : - 4km<sup>2</sup>200
- Ấp Phụng-Thạnh : - 13,5 km<sup>2</sup>
- Ấp Phụng-Phụng : - 10,210km<sup>2</sup>

Dân số :

Xã Thạnh-An gồm có : 25.289 người (năm 1971)

b/ Xã Thạnh-Đông ; thuộc quận Kiên-Tân, Tỉnh Kiên-Giang nguyên thuộc khu Dinh-Điền Cái-Sấn I và Cái Sấn 2, 3.

Xã Thạnh-Đông diện tích 16.790 ha. Gồm 13 ấp thuộc các kinh Rivera, Tân-Hiệp I, kinh 6,7,8,9,10 và một số ấp của đồng-bào địa-phương.

Tổng số dân trong xã là 38.128 người.

c/ Xã Tân-Hiệp :

Xã Tân-Hiệp thuộc Quận Kiên-Tân, tỉnh Kiên - Giang, nguyên thuộc khu Dinh-Điền Cái-Sấn I.

Xã Tân-Hiệp gồm có các kinh 1,2,3,4,5 và một vài ấp địa-phương.

Năm 1973, xã này được tách làm 2 xã nhỏ là Xã Tân-Hiệp I và Xã Tân-Hiệp II.

II. Vấn đề đại diện tại Xã ấp :

Dưới thời Đệ I Công-Hoà, nguyên tắc tản quyền được áp dụng, nên các đại diện tại xã và ấp đều được chỉ định. Dự số 57a ngày 24.10.1956 ban bố tư cách pháp nhân cho Xã và đặt xã dưới quyền quản trị của một Hội Đồng xã gồm có :

- Đại-Diện Xã
- Hội viên Tài-Chánh
- Hội-viên Cảnh-Sát

Nếu Xã lớn, có thể có thêm 2 hội-viên mãnhiệm vụ do Hội-Đồng Xã an định. Hội-Đồng xã có một hay nhiều

nhân viên phụ-tá. Đại-Diện Xã và hội-viên đều có thể kiêm nhiệm nhiều nhiệm-vụ khác.

Sau khi được địa-phương hoá cuối năm 1957, vấn đề đại diện các cấp Xã, áp được đặt ra. Tuy nhiên, vì nguyên tắc địa-phương phân quyền không được áp dụng, nên Hộ-Đông Xã và các Trưởng áp đều được bầu hạn chế (6) các vị đại-dien này đều thuộc vào các ban quản-trị các trại định cư cũ. Họ là những người có uy tín, từng sát cánh với đồng-bào di cư trong mọi giai đoạn, mọi trường hợp. Trong suốt thời kỳ Nhật Công-Hoà, các viên chức này thường được cấp trên chỉ định giữ vai trò đại-dien luôn luôn. Việc huấn luyện và tu nghiệp thời bấy giờ hầu như không có.

Trong những năm đầu của các việc định cư và xây dựng trong suốt thời gian Đệ I Công-Hoà, cơ cấu Xã áp tại khu Cái-Sơn nói riêng không có tính cách rõ ràng trước mặt quần chúng. Sự đại-dien, thực ra, chỉ là sự điều hành công việc nội bộ, dựa vào mệnh lệnh cấp trên.

Trong những năm chuyển tiếp, sau thời kỳ Đệ I Công-Hoà khuynh hướng phân quyền được đem áp dụng, và may những cuộc cải tổ cơ cấu Hành-chánh xã áp.

Cùng lúc ấy, vào các năm 64, 65, 66 cuộc chiến lan rộng toàn quốc, gây những ảnh hưởng trên nền Hành-Chánh xã áp. Mặc dầu việc đại diện được quyết định do dân cử, nhưng hầu hết cũng chỉ có những viên chức quen việc mới tự đặt mình vào sự lựa chọn của dân chúng. Khuynh hướng cải tổ mới, dù hoàn bị hơn về lý thuyết, nhưng không có hiệu quả thực tế do ảnh hưởng của chiến tranh.

Trong giai đoạn này, người ta chú trọng kiến một nền hành-Chánh khá khứng hoạn tại Cái-Sơn. Áp lực của

(6) do một cử tri đoàn gồm có : - nhân viên ban trị sự áp tại chức  
- chủ tịch các đoàn ngũ nhân dân

các lực lượng Cộng-Sản luôn luôn đe dọa vào cơ cấu nền Hành-Chánh này. Các viên chức Xã ấp đã từng làm việc, nay lại phải hoang mang và lo âu cho sinh mạng của bản thân và gia-đình của họ. Hầu hết các vị đại-diện tại Xã và ấp đều phải chịu chung một hoàn cảnh khổ khần như thế. Họ phải ăn nhờ ở đậu tại các khu phố hoặc những nơi tương đối an toàn vào ban đêm và chỉ làm việc trong thôn ấp mình vào ban ngày.

Hoạt-động của các lực lượng võ trang Cộng-Sản tại khu vực Cái-Sơn cũng đáng kể. Trong thời gian chuyển tiếp này nhiều cuộc tàn công lẻ tẻ, những âm mưu bất cứ đe dọa, khủng bố được diễn ra liên tiếp. Một trong những chiến lược của Cộng-Sản tại khu vực Cái-Sơn là nhằm làm tê liệt các cơ cấu hạ tầng, bằng những âm mưu nhắm vào các viên chức Xã-Ấp, và làm cho dân chúng hoang mang, giao động. Phân tích điểm chiến lược này ta thấy nó có một tầm quan trọng. Cộng-Sản biết rằng khối người dân di cư có lập trường chống Cộng vững chắc không dễ tin và nghe theo lời họ, do đó, chỉ cần vô hiệu hoá bộ máy hạ tầng và gây hoang mang trong dân chúng là đủ.

Phải công nhận rằng trước chiến lược của Cộng-Sản như vậy, nền Hành-Chánh đã trở nên đình trệ phần nào, nhưng không bị tan rã như Cộng-Sản mong muốn.

Sau giai đoạn chuyển tiếp đến giai đoạn Hiến-Pháp thành hình. Hiến-Pháp đã minh thị nguyên tắc địa-phương phân quyền, đem lại lòng sinh khí mới cho nền Hành-Chánh Việt Nam.

Kể từ đó, dân chúng mới thực sự tham gia vào việc chọn lựa các đại-diện một cách hữu hiệu các cuộc bầu cử Hội-Đông Xã, ủy ban Hành-Chánh xã và ban trị-sự ấp vào các năm 1970 đã gây nhiều sôi nổi trong dân chúng Cái-Sơn. Gần đây, các cuộc bầu cử vào khoảng cuối tháng 5-1973 càng gây ý thức sâu xa hơn nữa.

Từ năm 1970, tình hình an ninh được văn hồi

tốt đẹp tại Cái-Sơn, đã gây cho nhiều người không còn phải ngại khi muốn tham gia việc làng việc xã. Việc nổi rộng thành phần của Hội-Đông xã và Ủy-ban Hành-Chánh-Xã, cũng giúp cho nhiều người chưa từng tham việc được cơ hội sát cánh với các viên chức kỳ cựu. Cơ cấu Hành-Chánh Xã áp trước kia khiếm khuyết nhân sự, hay ít có những người có tinh thần tham gia công vụ thì nay đã được diện khuyết đầy đủ. Những lớp người đại-diện sau này đã đưa nền Hành-Chánh đến gần dân hơn, cho họ được hưởng những tiện ích của hoạt động Hành-Chánh.

Tuy nhiên, bên cạnh ưu điểm trên, cơ quan đại diện còn rất nhiều khuyết điểm trầm trọng.

Phạm lớn các viên chức xã, ấp tại Cái-Sơn đều có thái độ cau an, thụ động và ương ngạnh. Tinh thần làm việc thờ ơ lại vẫn còn sâu đậm trong tâm trí họ, họ chưa thấm nhuần quan niệm dân chủ trong việc chỉ huy điều khiển.

Vai trò đại diện Xã, ấp được quan niệm như một cơ hội tiến thân, một quyền lợi cá nhân hơn là trách-nhiệm phục vụ quyền lợi tập thể. Sự điều khiển nền Hành-Chánh, nhất là Hành-Chánh ấp có tính cách linh-động, uyển chuyển, tùy hoàn cảnh, tùy trường hợp và tùy theo quan niệm cá nhân hơn là dựa vào những nguyên tắc và thủ tục.

Tầng lớp đại-diện, gồm những người đứng tuổi, kinh nghiệm, nhưng lại thiếu sự hăng say và nhiệt thành. Họ thường cần nhắc kỹ lưỡng mọi vấn đề, nên tỏ ra e dè do dự và đôi khi giữ thái độ thụ động, hồ hững.

Tệ trạng tai hại hơn nữa là sự kết nạp bẽ phái dựa trên sự đố kỵ giữa các nhóm đại-diện, và ảnh hưởng áp lực của một vài vị lãnh đạo tinh thần cùng những người dựa vào thế lực của vị này. Guồng máy Hành-Chánh hạ tầng đã dần dần được chính trị hoá, ve phương diện nhân sự.

Tính cách khiếm khuyết và chính trị của cơ cấu

nhân sự là mối đe dọa cho sự phát triển khu vực Cái-Sơn

### III/ Tài nguyên Ngân-Sách Xã :

Để điều hành nền Hành-Chánh các Xã, mỗi xã có một ngân sách riêng. Cả 3 xã thuộc vùng Cái-Sơn : Thanh An, Thanh Đông và Tân-Hiệp cũng có chung nhiều đặc-điểm do đó ta khảo sát ngân sách Xã Thanh-An thuộc Quận Thốt Nốt làm một ngân sách điển hình.

Ngân-sách Xã Thanh-An : 1971

#### A. DỰ THẦU : 5.271.500\$

1/ Bách phân phụ thầu .....	197.000\$
2/ Đông hoá trực thầu .....	109.000\$
3/ Huệ lợi trưng thầu quan quản .....	240.000\$
4/ Tiền thầu Hành-Chánh .....	190.000\$
5/ Trợ-cấp, tham gia, hoàn ngân và hồi khẩu .....	469.500\$
6/ Chương trình tự túc phát triển xã năm 1970 chuyển qua .....	4.066.000\$

TỔNG CỘNG : ..... 5.271.500\$

Các loại thuế trong phần dự thầu là 596.620\$ gồm có :

1/ Thuế điền .....	177.000\$
2/ Ghe sông .....	620\$
3/ Môn bãi .....	60.000\$
4/ Súc vật .....	18.000\$
5/ Hoa chi chợ .....	100.000\$
6/ Bến đò .....	46.000\$
7/ Lò thit .....	12.000\$
8/ Bến nước .....	82.000\$
9/ Động cơ .....	100.000\$

TỔNG CỘNG : ..... 596.620\$

Tài nguyên thuế khoá chỉ chiếm 11,3% tổng số dự thầu cho ngân sách.

Phân trợ cấp của ngân sách phát triển nông thôn

chiếm 77,13% tổng số ngân sách.

Tài nguyên của xã thuận tụy chỉ chiếm 22,85% tổng số ngân sách.

Trong năm 1973 và các năm kế tiếp, ngân khoản tự túc phát triển xã do Chính-Phủ trợ-cấp sẽ giảm dần.

B/DỰ CHI : 5.241.500\$

1/Ủy-ban Hành-Chánh Xã và Hội Đồng xã .....	645.500\$
2/Hành-Chánh Xã .....	401.000\$
3/Công-Chánh kiến thiết .....	59.000\$
4/Bất thường chi .....	100.000\$
5/Tự túc phát triển xã năm 1970 chuyển sang 1971 .....	4.066.000\$

Tổng Cộng : ..... 5.241.500\$

Một đặc điểm chung của ba xã thuộc Cái-Sơn là sự khiêm khuyết vai trò của nhân dân trong các chương trình tự túc phát triển Xã tại đây, nước lại tinh thần và mục tiêu mà chương trình ấy chủ xướng.

Định chế "tổ hợp" là phương thức để thực hiện chương trình tự túc phát triển xã chưa hề được thiết lập. Các chính quyền xã ấp đã linh động thực hiện, ngoài nền tảng tự nguyện dân chủ của nhân dân. Các dự án phát triển xã thay vì do chính quyền dân chúng đề xướng, bình nghị, lại do chính quyền xã ấp đứng ra thực hiện. Tinh thần cộng đồng hợp tác giữa dân với dân, giữa dân với chính-quyền là mục tiêu của chương trình tự-túc phát triển bị xao lãng.

Nhiều nguyên nhân có thể giải thích sự khiêm khuyết của vai trò nhân dân. Trước hết đó là, nhân dân gồm những đồng-bào miền Bắc di cư, có đầu óc bạc thủ, có khuynh hướng cá nhân, không thích hợp với sự đòi hỏi của mục tiêu chương trình phát triển, và các cấp chỉ huy Hành-Chánh Xã ấp đã tiện liệu được sự thất bại chắc chắn

Thứ hai, nếu không, nguyên nhân khiếm khuyết đó phải quy vào các đại diện xã ấp. Về ngoài ra, còn có thể có những nguyên nhân ngoại cảnh, gồm những điều kiện về an-ninh, xã hội kinh tế v.v...

Nhưng dù sao, việc phát triển xã, không bỏ quên vai trò nhân dân được. Nhân dân cần phải được phát huy kiến, đề xuống, bình nghị và tự đứng ra thực hiện các công trình, ích lợi và sanh lời cho họ. Tinh thần dân chủ và công đồng hợp tác chính là động lực phát triển của cơ chế nông thôn vậy.

#### ĐOẠN II DÂN CHÚNG VÀ SINH HOẠT HÀNH CHÁNH

Trước một khối lượng dân số đông đảo hàng mấy chục ngàn người, nhu cầu Hành-Chánh chắc là phải nhiều và phải phức tạp? Nhưng điều ngược lại đã thể hiện, dân chúng dồn mọi thì giờ vào công việc sản xuất và tự mình đảm trách mọi công việc, do đó, nhu cầu Hành-Chánh khó phát sinh. Mặc dầu ý thức và trình độ mọi ngày một cao hơn, nhưng sự tham gia của dân chúng vào sinh-hoạt Hành-Chánh vẫn còn ở mức độ kém.

Nếu cơ quan đại-diện Xã Ấp, được bầu ra chính là để giải quyết mọi công việc cho người dân trong Xã ấp và đại-diện cho quyền lợi địa-phương- nói cách khác giữa dân chúng và đại diện có một mối tương quan mật thiết thì ngược lại tinh thần ấy đã không được thể hiện đúng mức. Dân chúng không đạt nguyện vọng, nhu cầu và cơ quan đại-diện cũng không tìm hiểu, đo lường nguyện vọng và nhu cầu của dân chúng. Dân tự vận thụ động, cơ-quan đại-diện còn thụ động hơn. Chính nền tảng thông đạt hai chiều trên làm phát sinh nhu cầu và hoạt-động Hành-Chánh như ở đây, nền tảng đó rất hơi hợt hoặc không có.

Về phía người dân sự tham gia vào hoạt động

Hành-Chính được thể hiện trong lãnh vực an ninh. phòng thủ chung và những nhu cầu liên quan đến cá nhân như làm các máy tổ cần có thì thực của cơ quan Hành-Chính Ngoài ra một vai thái độ trong sinh hoạt bầu cử, phê bình chỉ trích một số viên chức đại diện.

Sự tham gia tiêu cực ấy, không đáp ứng với trào lưu mới, đòi hỏi sinh hoạt dân chủ, hợp tác công đồng và tập thể trong mục tiêu phát triển cơ cấu nông thôn về lãnh vực y-tế, xã hội, kinh tế v.v...

## Mục II

### SINH HOẠT CHÍNH TRỊ - MIỀN

#### ĐOÀN I SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Mặc dầu nông-nhiệp, thương mại và các hoạt động khác chiếm hầu hết thời giờ, nhưng phần đông dân chúng tại Các-Sán đều lưu tâm đến các vấn đề chính-trị.

#### I/ Sinh hoạt của các đảng phái, đoàn thể :

Một vài xã bộ, ấp bộ của các đảng phái như Dân Chủ, Lực Lượng Đại-Đại Kết, Dân Xã Đảng, phong-trào Quốc Gia Cấp Tiên đã hiện diện, nhưng dường như không có những hoạt động cụ thể, và không quy tụ được một số lượng đoàn viên đáng kể.

#### II/ Sinh hoạt bầu cử :

Các cuộc bầu cử hạ tầng xã ấp hay các cuộc bầu cử Tổng-Thống, Quốc Hội, đều gây một không khí hào hứng sôi động tại đây.

Khối cử tri, tuy gồm những người thôn quê ít học, nhưng háng hái tham gia vào các cuộc đấu phiếu, vận động tranh cử. Kinh nghiệm cho thấy mặc dầu khối quần chúng thăm lạng này ít được các đối thủ tranh cử lưu tâm đến, thăm hỏi, khuyến khích hoặc vận động, nhưng không phải vì thế mà cử tri không có thái độ vô lập trường chính trị. Trái lại, qua các phương tiện quảng bá thông



tin hạn hẹp, cử tri của hiệu, nghe nóng qua các nhân vật có uy tín lãnh đạo họ, thường là những vị lãnh đạo tôn giáo. Thường thường con số cử tri đi bỏ phiếu rất cao vì thái độ hướng ứng tham gia, không bỏ lỡ cơ hội bầu tổ lập trường trong mỗi dịp bầu cử.

Một đặc điểm khác là khuynh hướng lựa chọn rất dễ nhận thấy, đặc biệt là các cuộc bầu cử cấp Trung Ương và khối cử tri tuy rộng rãi nhưng thường thuần nhất, do ảnh hưởng các nhân vật có uy tín nhất.

Đặc điểm thứ ba là tỷ lệ tham gia của cử tri, không khí tranh cử không tùy thuộc vào tầm vóc của cuộc bầu cử, các cuộc bầu cử nào thường cũng quan trọng như nhau, bầu cử Tổng Thống hoặc Quốc Hội tuy có tầm vóc Quốc gia, cũng lôi cuốn cử tri như các cuộc bầu cử trường ấp và Hội Đồng Xã.

Trong khuôn khổ địa-phương, số các ứng cử viên ra tranh cử khá đông đảo, thuộc nhiều xu hướng khác nhau làm phân hoá khối cử tri.

Nhìn chung, sinh hoạt bầu cử thể hiện tinh thần dân chủ, biểu hiện thái độ tham gia và hướng ứng quan trọng nhất của nông dân.

### III. Lập trường Quốc-Gia :

Với diện tích mấy chục ngàn mẫu tây và dân số gần trăm ngàn người, Cái-Sơn là khu vực thuần túy nhất. Những người nông dân tại Cái-Sơn là những người có lập trường Quốc-gia vững vàng.

Phần lớn dân chúng còn hoài niệm, ngưỡng mộ cố Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm vì công ơn của người đời với công cuộc định cư của họ. Tại đây, dưới thời Đế I Cộng-Hoa rất được chính quyền lưu tâm đến và cũng có đoàn kết chắc chắn.

Người di cư cũng quá thấu hiểu chế độ cộng-sản qua những năm kinh nghiệm sống trong lòng chế độ ấy.

Nông dân vùng Cái-Sơn có lập-trường Quốc-gia vững vàng là điều không thể chối cãi. Tuy nhiên, cần phải được bố khuyết về hai phương diện :

Thứ nhất, về phương diện thông tin tuyên truyền, cần phải được quan niệm đúng theo chiều rộng và chiều sâu của nó. Không thể xem khối nông dân Cái-Sơn có lập trường quốc-gia vững vàng mà không cần, hoặc bỏ rơi họ như kinh nghiệm trong quá khứ.

Thứ hai, về phương diện chính trị và kinh - tế lập trường quốc-gia cần phải được kích động, qua sự tham gia của dân chúng vào việc phát triển công đồng.

## ĐOẠN II NỀN AN NINH

### I/ Tổng quát về tình hình an-ninh :

Nền kinh tế không có những biến đổi thăng trầm thì an ninh, nước lại, trải qua bao nhiêu giai đoạn biến chuyển quan trọng.

Vào những năm đầu định cư, tình hình an ninh rất tốt đẹp tuy nhiên nạn trộm cướp hoành hành khốc liệt thêm vào đó là những mối tranh chấp giữa người điaphương và người di cư, do sự hiểu lầm và sự tuyên truyền của Cộng-sản.

Vào năm 1959, 1960 các hoạt động du kích của Cộng-Sản bắt đầu khởi động, có đôi lúc mãnh liệt.

Từ năm 1964 đến 1970, tình hình an ninh tại nhiều nơi nghiêm trọng. Rất nhiều trận đánh lớn xảy ra gây tai họa cho đồng-bào. Cho tới khoảng 1968 nhiều khu trong vùng chịu sự kiểm soát thường xuyên của Cộng-sản, nhiều khu trở thành sỏi động, chịu nộp thuế cho cộng - sản.

Trong vòng một vài năm nay, nền an-ninh sáng - sủa dần. Viễn ảnh yên tĩnh càng ngày càng gia-tăng.

## II/ Lực lượng bảo vệ an ninh :

Lực lượng quân đội gồm rất nhiều đơn-vị địa - phương quân và nghĩa quân đóng rải rác trong toàn vùng

Lực lượng nhân-dân tự-vệ được thành-lập trong các Xã và Ấp, có nhiệm vụ bảo vệ an ninh trong Xã và Ấp

Tại Xã Thanh-Đông, chính quyền Xã đã thành lập được các đoàn nhân dân tự vệ gồm có :

- Nhân dân tự-vệ chiến đấu..... : 1.014 người
- Lão Ông tự-vệ ..... : 1.796 người
- Phụ nữ hỗ trợ ..... : 2.006 người
- Thiếu nhi hỗ trợ ..... : 1.328 người

Vũ khí trang bị gồm có :

- 535 Carbin M I
- 58 Carbin M 2
- 86 Garant M I
- 17 Trung liên bar v.v...

Tại Xã Thanh An, chính quyền xã đã thành lập được :

- Nhân dân tự vệ chiến đấu : 6.690 người
- Nhân dân tự vệ hỗ trợ : 7.400 người

Vũ khí trang bị gồm có :

- 811 Carbin M I
- 25 Carbin M 2
- 262 Garant
- 33 thompson
- 33 trung liên bar

## Mục III

### SINH HOẠT XÃ HỘI - V TẾ - GIÁO DỤC

#### ĐOẠN I SINH HOẠT XÃ HỘI

#### I/ Cổ đày đủ tính chất của một xã-hội nông nghiệp

Cải-Sán cổ đày đủ những tính chất của một Xã-

hội nông nghiệp, còn một số yếu tố quan trọng sau đây:

a/ Mọi hoạt động đều trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến nông nghiệp. Các hoạt động ấy đều có chung một đặc điểm là tính cách khó nhọc về sức lực.

b/ Xã Hội tế phân : nhiều nhà lèn cận nhau hợp thành một xóm thân mật. Tình liên đới thân thiết càng siết chặt giữa người khu này và khu khác, giữa xứ này và xứ khác, giữa kinh này và kinh khác. Xã-Hội tế phân không có kích thước bằng nhau, thường cũng có làng cũ họ cũ, ít có những quyết lợi chung về kinh tế chỉ liên hệ nhiều về mặt tình cảm và xã hội.

c/ Xã-Hội ổn định, ít biến đổi tính chất và trạng thái. Giữa người địa-phương và người di cư, sự dung hợp và ảnh hưởng chậm chạp.

d/ Xã-Hội thiên về mặt tình thân, trọng hình thức trọng chức tước, khoa bảng và nghi lễ phong tục.

## II/ Vấn đề giai cấp :

Nếu sự phân chia giai cấp căn cứ vào tài sản, nghề nghiệp, địa-vị, chức tước hay học thức thì tại Cái Sắn không có một giai cấp nào nhất định.

Mọi hoạt động đều trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến nông nghiệp nên không có sự phân chia giai cấp. Mặc dù có những người buôn bán, hoặc tham dự vào công việc hành-Chánh Xã ấp nhưng cũng tham gia vào việc làm ruộng. Đánh rặng có nhiều người trở nên giàu có mau chóng hay mới tham gia vào công việc quản trị, làng xã, nhưng cũng không có sự cách biệt quá sâu sắc khác. Những người đó chỉ là thiểu số và có ảnh hưởng đối chút với những người xung quanh.

Phần lớn các gia đình đều tự túc được, nên ít xảy ra nạn áp chế hoặc cho vay nặng lãi v.v...

### III/ Tôn giáo :

Đa số dân chúng Cái-Sơn theo Thiên-Chúa Giáo. số nhà thờ tại mỗi kinh trung bình là 2, với 2 cha xứ. Có khoảng ngót 50 nhà thờ và 50 Cha xứ. Thiên-Chúa Giáo có rất nhiều đoàn thể.

Số tín đồ, Phật-Giáo, Phật-Giáo Hòa Hảo, Cao-Đài và các Tôn giáo rất ít. Toàn thể khu vực có vài ngôi chùa, vài phòng đọc sách Giáo lý v.v...

Tất cả các tôn giáo này đều sinh hoạt rộn rã

### IV/ Tục lệ :

Dân chúng có rất nhiều tục lệ lại khác nhau ở mỗi nơi. Các khu hay một nhóm gia-đình bên nhau thường có chung một tục lệ, các đám hỏi, cưới, tang, giỗ, đều được tổ chức khác nhau. Đám cưới, hỏi ngoài phần lễ nghi theo tục lệ còn phần dành cho các giới trẻ tham dự. Họ thường tổ chức các cuộc mua vui, văn nghệ, kể chuyện v.v...

Các giới trẻ hiện nay ít am tường tục lệ người lớn cũng chỉ một số ít biết. Các phong tục nhỏ đều mai một, chỉ còn duy trì một số phong tục quan trọng như cưới hỏi, tang chế. Về sự giao thiệp, dân chúng rất niềm nở, hiếu khách sự chào hỏi tự nhiên, giản dị. Các cuộc cãi đặng rất thường xảy ra mỗi khi có việc quan trọng. Sự giúp đỡ lẫn nhau rất thông thường, mang tính chất gia-đình khu xóm.

### V/ Hôn nhân, sinh, tử, thành phần dân số :

Số các cuộc hôn nhân rất nhiều quanh năm suốt tháng, nhưng thông thường vào dịp trước tết Nguyên-đán

Số tuổi kết hôn giữa các "am nữ" thường ở mức độ 16 đến 19 với phái nữ và 17 đến 20 với phái nam. Thời gian từ lễ hỏi đến lễ cưới thường ngắn so với thành

thị. Các buổi lễ đám hỏi cưới đều được tổ chức linh - đình với sự chuẩn bị và tham dự của hai họ, khâu xóm cùng họ hàng.

Phần lớn các nam nữ đến tuổi kết hôn đều chưa thực được tầm quan trọng của sự xây dựng gia đình và dưỡng dục con cái. Sự ly hôn và ly thân theo Pháp-luật bị tôn giáo ngăn cấm, và trên thực tế không có xảy ra. Các Nam nữ lập gia đình thường sống chung với cha mẹ, không có tài sản riêng trước hoặc sau khi cưới. Họ thường được cha mẹ cho một phần ruộng đất hoặc giúp đỡ tậu thêm ruộng đất.

Quan niệm cưới xin để phụ giúp gia đình trong công việc đồng áng vẫn còn tồn tại. Sự chọn lựa dâu hoặc rể thường kỹ lưỡng, cẩn thận, với sự ưng thuận của cả hai bên cha mẹ lẫn con cái. Các cuộc hôn nhân thường gan gỏi quen biết.

Số sinh sản tại Cái Sắn khá cao, do các cuộc hôn nhân sớm. Tỷ lệ sinh con gái cao hơn con trai. Điều kiện sản sóc sản phụ và thai nhi, kém chu đáo. Số tử cũng khá cao nhưng tử suất kém hơn sinh suất. Phần lớn sự mệnh chung đều ở lứa tuổi thanh niên đi lính từ các phương xa và ở lứa tuổi già cả bệnh tật. Số người chết vì bệnh truyền nhiễm, di truyền hay thời khí rất hiếm, Sự khai tử ở cơ quan hộ tịch ít xảy ra, trong khi việc khai sinh đầy đủ.

Người miền Bắc ít có những tục lệ, về sinh sản như an thai nôi, đủ tháng so với người miền Nam; trong khi các thủ tục về tang chế rất đầy đủ.

Về thành phần dân số, tỷ lệ lứa tuổi hoạt động ít hơn lứa tuổi già cả và thiếu nhi. Phái nữ chiếm tỷ lệ cao hơn phái nam.

## VI/ Gia đình, gia tộc, huyết thống :

Ông bà, cha mẹ, con cháu thường quây tụ bên nhau. Tình máu mủ gia-đình, thông thuộc, danh dự họ hàng rất được đề cao. Người đứng đầu họ hàng được con cháu vì nề tôn trọng, thăm nom hỏi han luôn.

Các ngày giỗ, kỵ được con cháu ghi nhớ, xum họp để cầu xin tưởng nhớ. Họ hàng giúp đỡ bệnh vực nhau về mọi phương diện. Sự tôn trọng vai vế đẳng cấp rất mực thước, tên họ của người lớn được kiêng cử con cháu thường tránh va chạm đến.

Tuy nhiên, nề nếp gia-đình huyết thống cũng bị mai một đi nhiều. Ít có trường hợp giữ gia phả trong họ hàng thân thuộc. Sự di chúc, phân chia tài sản theo nề bộ gia-đình.

## VII/ Cách truyền bá tin tức :

Việc đón nhận và truyền bá tin tức linh động trong dân chúng, chính quyền không có can dự đến. Dân chúng thường đón nhận phổ biến tin tức qua việc nghe máy thâu thanh, đàm phán và chuyện trò với nhau. Báo chí ít phổ biến, sự theo dõi tin tức thời sự quốc gia rất được các gia-đình chú ý. Việc nghe radio là phương tiện thông tin duy nhất và đặc lực nhất.

Các tin tức liên hệ đến khu xóm được chuyển đi nhanh nhẹn, sâu rộng.

## VIII/ Việc cất nhà cửa :

Nhà cửa là vấn đề quan trọng đối với các gia-đình tại Cái-Sơn. Dù nghèo khổ, thiếu thốn, họ cũng cố chạy vay mượn để làm nhà cửa cho tương tất.

Nhà thường được xây cất rộng rãi để dự trữ trong mọi việc, tiếp khách, đãi đằng, tiếp đón họ hàng con cháu v.v... Tiện nghi kém đầy đủ, nhưng cũng được

cố gắng trong phạm vi năng lực của mình.

Cần đây, khuynh hướng xây cất nhà cửa rất nhiều mọi nơi, mọi chỗ đều ganh đua nhau xây cất nhà cửa. Các kiểu nhà thường tương tự như nhau. Không cần tỉ mỉ, xảo tiện nghi lắm, chỉ cần rộng rãi, thoáng khí và để coi là đủ.

## ĐOẠN II SINH HOẠT GIÁO DỤC

Giáo-dục càng ngày càng phổ cập trong dân chúng. So với nhiều năm trước đây, nền giáo dục tại Cái Sắn đã bành trướng rất nhiều.

Hiện nay có 5 trường Trung học lớn được xây cất bên đường lộ, là các Trường Cái-Sắn, Sao-Dai, Bắc-Ái, Kiên Tân và Thái-Hoa. Mỗi trường quy tụ khoảng từ 1.000 đến 2.000 học sinh các lớp từ đệ thất đến đệ nhất (tức lớp 6 đến lớp 12). Các trường này gồm 4 trường do các vị linh-mục lãnh đạo và một trường Trung học công-lập Học sinh tại Cái-Sắn ngoài việc giáo-dục phổ thông, còn có các giờ học giáo lý công giáo.

Số các trường tiểu-học rất nhiều gồm các trường công đồng và sơ cấp. Tại mỗi ấp trong kinh đều có một trường tiểu học do vị linh mục trong xứ trực tiếp điều khiển. Ngoài ra còn nhiều trường khác mọc rải rác khắp nơi. Số học sinh tiểu học rất đông đảo và được dạy dỗ cả về trí dục, đức dục lẫn giáo lý.

Phần đông các học sinh đều kém cỏi so với các thành thị. Trong các năm gần đây, do ảnh hưởng của chiến tranh, số học sinh xuất sắc càng ngày càng ít. Số các học sinh học hành dở dang chưa thi cử rất nhiều.

Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển hàng năm trong các kỳ thi Tú Tài kém, thường ở mức độ trên dưới 10% tổng số.

Số các học sinh được cha mẹ cho lên tỉnh thành



học cũng khá cao, tuy nhiên việc này cũng chỉ đem đến kết quả tương đối.

Số các sinh viên rời nhập Đại học rất đáng kể. Khuyết hướng trên gia tăng dần cho đến khoảng 1969 và giảm dần trong vài năm gần đây, do ảnh hưởng của sự kém cỏi khi còn ở bậc Trung học. Số các Sinh-viên tốt nghiệp đại học, trình độ Bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, cử nhân v.v... không được thống kê đầy đủ vì các sinh viên này tản mác khắp nơi, ít liên lạc với nhau. Tuy nhiên trình độ tốt nghiệp đại học cũng rất khích lệ. Con số sinh viên còn dở dang chưa tốt nghiệp, hoặc rời trường trường khá đông đảo.

Tình trạng cơ sở phòng ốc được xem như tương đối đầy đủ, nhưng tình trạng giáo sư khiêm khuyết. Các Giáo-sư đệ II cấp thường được mời từ hai Tỉnh lỵ Long-Xuyên và Rạch-Giá xuống công tác. Các Giáo-sư Đệ I Cấp cũng không đầy đủ và nhà trường thường áp dụng những giải pháp vá vấp, tạm bợ. Số giáo sư cơ hữu rất hiếm hoi.

Sách vở giáo khoa, tài liệu hiếm hoi, không được tiếp tế đầy đủ cho học sinh như ở thành thị. Các học sinh còn phải di chuyển trong điều kiện khổ khăn vì xa xôi, nhất là vào mùa mưa và mùa nước lớn.

Các Hội Phụ-Huynh học sinh, các hội Ai-Hữu cựu học sinh ít được thành lập để yểm trợ cho giáo dục. Nhiều cơ sở đã được vận động song không đưa đến kết quả.

Tóm lại, trước nhu cầu giáo dục to lớn, ngày càng bành trướng tại vùng Cái-Sắn, cần phải có sự chuyển hướng mới.

### ĐOẠN III SINH HOẠT Y TẾ

Vấn đề sản sóc sức khỏe cho dân chúng cho đến nay vẫn chưa đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu to tát.

Y-học chưa được phổ cập, dân chúng vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc chạy chữa bệnh hoạn.

I/ Y-học phục vụ sức khoẻ :

Tại Xã Thanh Đông, cơ quan Y-tế gồm có :

- 1 trạm Xá
- 1 nhà hộ sinh
- 7 trạm y-tế và hộ sinh trong các ấp

Số Cán-bộ Y-tế được 1 người, cô đỡ được 09 người. Tại Xã An-Thanh :

- 1 bệnh viện Cái-Sán do một Bác-sĩ điều khiển, và 27 nhân viên giúp việc. Bệnh viện này được mở rộng từ 1970 đến nay. Có khoảng 84 giường bệnh
- 4 trạm phát thuốc và nhà hộ sinh trong các ấp
- 4 cô đỡ.
- 7 Cán-bộ y-tế ấp.

Số các cơ quan y tế này còn rất ít so với dân số. Toàn vùng Cái-Sán chỉ có bệnh-viện Cái-Sán là cơ quan Y-tế đáng kể cùng 1 trạm Xá tại Quận Điện Biên. Tuy nhiên hai cơ quan này cũng chỉ hoạt động rất giới hạn vì tình trạng thiếu hụt nhân viên, thuốc men, cơ sở và dụng cụ.

Hầu hết các bệnh trạm trọng đều phải đưa về tỉnh lý xin chữa trị, gây rất nhiều khó khăn cho dân chúng.

Các trạm y-tế, nhà hộ sinh hoạt động kém hiệu, không đáp ứng nhu cầu tại chỗ, nơi có nơi không, và phần lớn đều hoạt động cầm chừng.

Con số các người hành nghề chích dịch cũng đáng kể. Họ lại hoạt động đặc lực hơn các nhân viên của chính quyền. Tuy nhiên phần lớn những người này đều hành

nghe do kinh nghiệm hơn là kiến thức, nên cũng chỉ chữa trị được những chứng bệnh thông thường không quan trọng

## II/ Các phương cách trị liệu khác :

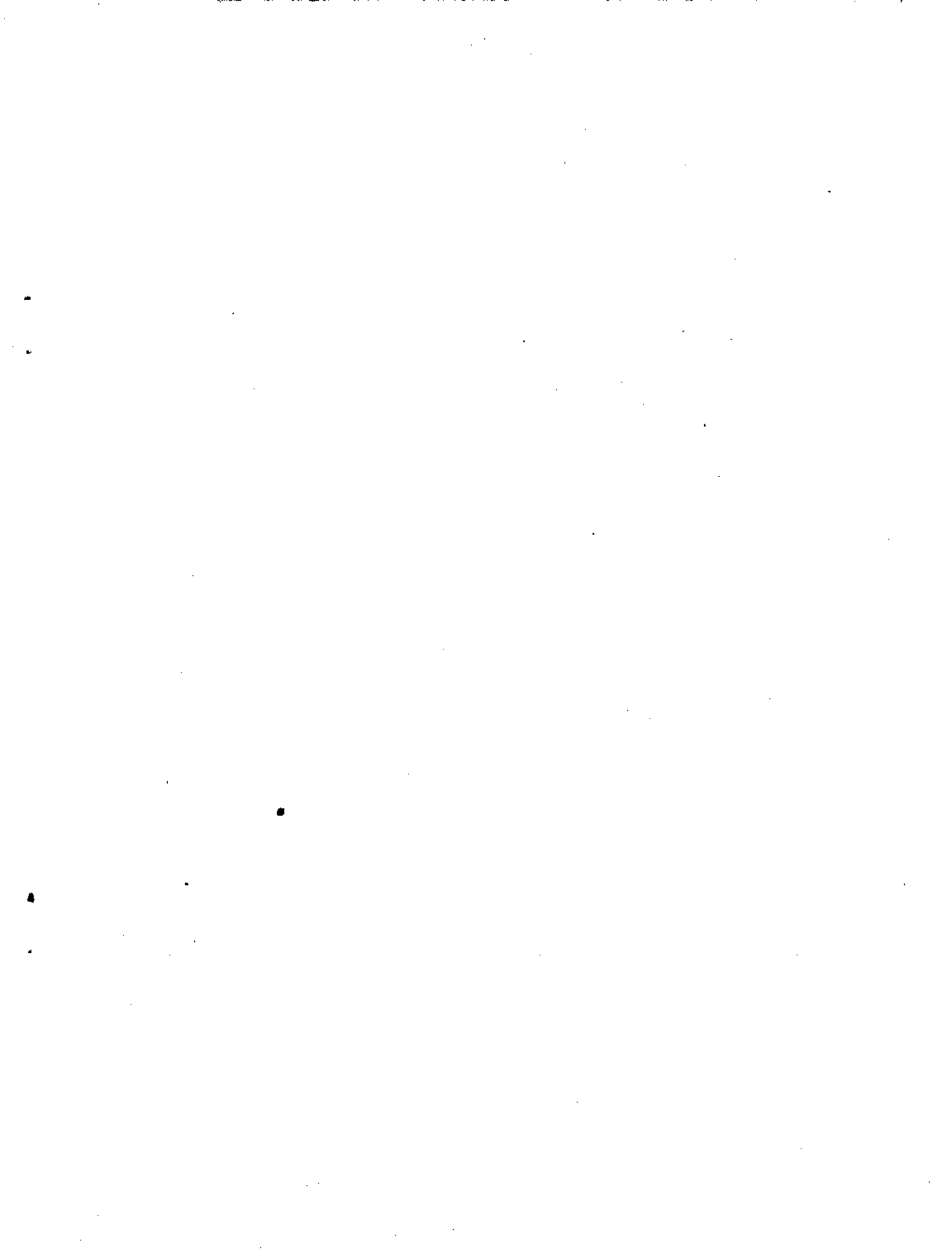
Phần đông dân chúng tại Sài-Sán đều ở xa các cơ-quan Y-tế chính ở bên đường lộ, nên gặp khi có bệnh hoạn cũng phải đi chuyên xa xôi khó nhọc để lên các cơ quan này.

Việc chữa bệnh do các bà lang, thầy lang xưa cho đến nay vẫn còn thịnh hành. Những người này đều chữa bệnh do kinh nghiệm và không xa lạ đối với dân chúng

Tóm lại, trước một nhu cầu quá to tát như tại Sài-Sán hiện trạng y-tế tại đó không đủ đáp ứng nhu cầu ấy. Các chương trình y-tế mới như "y-tế hướng thôn", "y-tế công cộng", "chiến dịch y-tế về lang" v.v... đều vắng bóng.

Dân chúng gặp rất nhiều khó khăn trở ngại và chịu rất nhiều tốn kém trong việc chữa trị bệnh hoạn.

Chúng tôi mạn phép đề nghị một số dữ kiện cụ thể, khả dĩ cải thiện tình trạng phần nào, ở những dòng kết luận sau cùng.



**kết luận**

## THAY LỜI NGƯỜI DI CƯ NÓI LÊN MỘT ƯỚC VỌNG

Tên gọi "Trung Tâm Định Cư Củ Sần" nay đã lùi vào lịch sử. Chương trình "Đình Điền" tiếp nối sau đó cũng dở dang, nếu không muốn nói là chỉ có trên văn kiện Củ Sần được địa phương hóa là việc phải xảy ra, nhưng có lẽ không tạo được một môi trường với những điều kiện thuận lợi cho nguồn sinh động mới.

Từ đó, vẳng bóng mọi nỗ lực và hoạt động. Củ Sần được ví như một gia tài đồ sộ, được trao lại cho những người con chăm chỉ nhưng thiếu sáng kiến và sự cống tác tin tưởng!

Chúng ta cũng tìm hiểu những khuyết điểm nội tại và đề nghị một vài phương thức giới hạn, trong vài lãnh vực cụ thể.

### ĐOẠN I. VỀ PHƯƠNG DIỆN Y TẾ :

#### I. ĐỀ NGHỊ MỘT PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC

Đó là một phương thức đặc biệt, dựa vào hai nguyên tắc sau đây :

## 1. Nguyên tắc ích lợi thực tế :

Nhắc lại - Bệnh viện Cải Sản được khai sinh khi vùng này chưa được địa phương hóa, còn trong tình trạng một khu định cư trực thuộc Phủ Tổng Thống. Bởi thế, nó là cơ quan y tế chung cho toàn vùng, dù phạm vi gồm cả một phần trên An Giang và một phần trên Kiên Giang.

Một cơ quan như thế, không có gì là trái ngược giữa nguyên tắc quản hạt Hành chánh và phạm vi hoạt động của nó. Nói khác, cơ quan này được thành lập, tạm thời giải quyết vấn đề y tế vì hoàn cảnh thực tế, sau này khi với định cư được địa phương hóa tất nhiên nó phải lệ thuộc vào phân lãnh thổ An Giang mà trên đó nó tọa lạc. Điều này đã xảy ra, kéo dài cho đến nay, và vì thế đã thu hẹp phạm vi hoạt động trước một hoàn cảnh thực tế thuần nhất, chặt chẽ.

Nay cần phải xét định lại cho phù hợp với thực trạng không thể chối cãi đó.

Ý niệm " ích lợi tối đa" cho người dân cần phải đặt làm nền tảng, bởi vì quan niệm như thế ta sẽ giải quyết được gần toàn bộ của vấn đề y tế tại Cải Sản.

Dựa trên ý niệm ấy, nguyên tắc "ích lợi thực tế" cần phải được Bộ Y Tế của xét kỹ lưỡng.

Ta biết rằng các Ty Y Tế tại các tỉnh, đại diện Bộ Y Tế để thi hành nhiệm vụ tại quản hạt mình. Vậy Ty Y Tế phù hợp với nguyên tắc địa phương phân quyền trong

nền Hành chính quốc gia. Ty Y Tế điều khiển các bộ phận y tế cấp quận, xã và ấp. Đây là phương thức kỹ thuật pháp lý giản dị, chặt chẽ và hiệu quả. Tuy nhiên nền y tế không cần phải chặt chẽ đẳng cấp nhất định như guồng máy Hành chính vì đây là cơ quan chuyên môn, có lãnh vực tư trí rộng rãi, phân hành chính kèm quan trọng hơn phần y tế.

Kỹ thuật nêu trên, có thể được điều chỉnh - vì xét cần - cho phù hợp với khung cảnh địa dư, nhân văn, tâm lý hơn là nhu cầu chính trị hay Hành chính.

Áp dụng kỹ thuật ấy, Bộ Y Tế có thể thiết lập một định chế đặc biệt tách ra khỏi hệ thống tỉnh. Tại Cái Sắn bệnh viện Cái Sắn có thể đảm nhiệm vai trò ấy cho toàn khu vực - dưới danh hiệu "Ty Y Tế Cái Sắn". Kỹ thuật này rất phù hợp với hoàn cảnh địa phương, và chắc chắn đáp ứng được nguyện vọng, nhu cầu của dân chúng hơn chiều hướng hiện tại.

## 2 . Nguyên tắc chỉ huy trực tiếp và thống nhất

Đây chỉ là hệ luận của nguyên tắc trên. Ty Y Tế Cái Sắn sẽ đứng ra tổ chức, thực hiện các chương trình hoạt động điều khiển và quản trị các bộ phận cấp dưới thuộc phạm vi quản hạt.

## II . ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN :

Cần phải tăng cường nhân viên, trang bị đầy đủ về cơ sở, dụng cụ và thuốc men

Về nhân viên nhu cầu ước định là:



- 3 bác sĩ
- 8 cán sự
- và 50 y tá mọi ngành.

Số y tá có thể do Ty tuyển dụng và huấn luyện ngay số những người lành nghề chính đạo. Việc này nhằm kiểm soát họ và bổ túc kiến thức cho họ. Ty cũng có thể áp dụng quy chế rộng rãi với những người này.

Tóm lại, bệnh viện Cải Sản cần phải được biến cải thành "Ty Y Tế Cải Sản" để có thể phục vụ hữu hiệu và đặc biệt người dân.

## ĐOẠN II . VỀ PHƯƠNG DIỆN GIÁO DỤC

Tình trạng giáo dục khá quan hơn tình trạng y tế tuy nhiên cũng cần bổ khuyết một số khuyết điểm.

### I . NỀN GIÁO DỤC CẦN ĐI SÁT VỚI THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP

Cần phải thiết lập tại Cải Sản một trường Trung học Nông Lâm Súc. Trường này sẽ áp dụng chế độ thi tuyển và bình trưởng dần dần. Học sinh trường (có thể cả học sinh các trường khác) phải gia nhập đoàn thanh-thiếu nông 4T. Đoàn này do trường điều khiển với sự hợp tác, giúp đỡ của các Ty Nông Nghiệp và Thanh Niên

### II NỀN GIÁO DỤC CẦN PHẢI CÓ SỰ ĐỒNG GÓP CỦA MỘT NGƯỜI

Hệ thống trường tư vẫn được duy trì, nhưng trường công có thể biến thành trường Trung học tỉnh hạt trong chiều hướng địa phương hoá. Trường này giữ vai trò mẫu mực cho

các trường khác. Việc thiết lập Hội Phụ Huynh học sinh cần phải đạt ở mức độ quan trọng, tạo sự hợp tác giữa tư nhân và nhà trường. Chính quyền địa phương cũng phải công tác trong nền giáo dục, không thể lơ đãng như hiện nay.

### III. NỀN GIÁO DỤC CẦN CÓ SỰ LIÊN LẠC THI ĐUA MẬT THIẾT :

Các Ban Giám đốc tại mỗi trường cần phát động phong trào thể thao, văn nghệ, du ngoạn v.v... trong nội bộ trường mình. Các trường cũng thực hiện những phong trào tương trợ, có tính cách hợp tác hỗ tương, tạo tinh thần cảm thông và tiến bộ trong giới trẻ.

Ngoài ra các Ban Giám Đốc phải tích cực giúp đỡ học sinh để việc học được nhiều dễ dàng thuận tiện.

### ĐOẠN III) VỀ PHƯƠNG DIỆN CANH NÔNG

Nền canh nông nhằm vào hai mục tiêu chính yếu :

- Gia tăng năng suất
- Bảo đảm sự trao đổi trên thị trường được hoàn mỹ.

Muốn đạt hai mục tiêu ấy phải cải thiện 2 yếu tố sau :

#### I. YẾU TỐ NHÂN SỰ :

##### A. VỀ PHÍA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Chính quyền phải đứng ra cổ động thúc đẩy nhân dân lập các tổ hợp kinh tế theo chương trình tự túc phát triển xã, thực hiện các dự án công ích và nhất là dự án

sinh lợi cho tập thể? Chính quyền phải khuyến khích dân chúng sử dụng nông tín vào mục tiêu sử dụng nông cơ, lúa miến, thân nông, bắp v.v...

Ty Nông Nghiệp cũng phải tích cực mở rộng phạm vi hoạt động xuống Cái Sắn, giúp đỡ nông dân làm quen với phương pháp và kỹ thuật tân tiến.

Tóm lại chính quyền phải giữ vai trò kích động thúc đẩy dân chúng vì thành phần này luôn luôn thụ động, bảo thủ.

## B. VỀ PHÍA DÂN CHÚNG

Việc từ bỏ thái độ thụ động, đa nghi là điều kiện tiên quyết. Muốn vậy có thể áp dụng hai phương thức

\* Tổ chức các việc thực tập nông nghiệp của các đoàn viên Thanh Thiếu Nông 4T tại gia đình mỗi đoàn viên dưới sự bảo trợ của trường nông lâm súc và ty nông nghiệp, ty thanh niên.

Lập một vài thí điểm do ty nông nghiệp và chính quyền địa phương bảo trợ.

## II. YẾU TỐ KỸ THUẬT :

### I. Thành lập các tổ hợp nông dân :

Phương thức "Tổ hợp" của chương trình tự túc phát triển phải được xem là đơn vị tế căn bản. Tổ hợp để thực hiện sử dụng nông cơ, vay nông tín của ngân hàng phát triển nông nghiệp để cấy lúa thân nông, lúa miến, bắp, v.v... (thực hiện được việc đa canh hoá)

### II. Thành lập hợp tác xã và HIỆP HỘI NÔNG DÂN

Hai tổ chức này đều có sự giúp đỡ của Ty Nông

Nghiệp và chính quyền địa phương. Ba mục đích chính là :

- Giáo dục nông dân biết các phương pháp tân tiến
- Cung cấp phân bón, thuốc sát trùng, hạt giống theo giá chính thức cho các đoàn viên.
- Mua lúa gạo của nông dân để tránh nạn trung gian bóp chẹt.

Tóm lại, tăng gia năng suất và bảo đảm sự trao đổi trên thị trường được hoàn mỹ là hai sự kiện cấp bách hiện nay đứng trước một hoàn cảnh nông nghiệp đang bế tắc tại Cái Sắn

Qua ba đề nghị về ba lãnh vực quan trọng nhất của địa phương mà chúng tôi được chứng kiến tổ trưởng, ước mong rằng nhà hữu trách cũng như toàn thể dân chúng ý thức sâu xa hơn nữa cũng góp phần khuếch trương cho miền đất thêm sáng lạn. Trong tinh thần ấy, chúng tôi đóng góp một vài cảm nghĩ nhỏ trong tập luận văn này.

\*\*\*\*\*

# Thu Tịch

## A) - SÁCH.

- HENDRY, JAMES. B. Nghiên Cứu một cộng đồng thôn xã Việt-Nam (economy) - 1959.
- HICKEY, GERALD.C Nghiên-Cứu một cộng đồng thôn xã Việt-Nam (Sociology) - 1960.
- WOODRUFF, LLOYD.W Nghiên-Cứu một cộng đồng thôn xã Việt-Nam (Administration) - 1960.
- NGUYỆT-ĐAM & THẦN PHONG. Chín năm máu lửa dưới chế độ NGŨ-ĐÌNH-ĐIÊM.
- PHỦ TỔNG-ỦY DI CƯ TỶ NẠN : Cuộc di-cư lịch-sử tại Việt-Nam.

## B) - LUẬN-VĂN.

- LÂM-BÍNH-LỄ Công cuộc cải cách điền địa tại Đài-Loan và Phi-Luật-Tân. ĐS 14.
- NGUYỄN-ĐĂNG-THỨ Các chính sách dinh điền và đồn điền của nhà NGUYỄN. ĐS 14.
- VINH-THĂNG Vấn đề nông-tín tại Việt-Nam. Cao-học KTTC/4.
- ĐẶNG-NGỌC-VÂN Vấn đề cải cách điền-địa tại Việt-Nam Cộng-Hòa. CH3/HC.

## C) - TẠP-CHÍ.

- TRẦN-HÀ-NAM Hiệp-hội Nông dân và ấp Chiến-lược. Quê hương số 39. 9-62.
- NGUYỄN-HỮU-CHI Ấp chiến lược, cách mạng nông thôn hay cải tổ cơ cấu. Quê hương số 44. 2-63.

- Trường hợp đồng bào Cải-Sản vay tiền máy cày.  
Nghiên-cứu hành-chánh 11-58.
- QUÁCH-TÔNG-ĐỨC Khu Trù mật.  
Nghiên-cứu hành-chánh 10-59.
- PHAN-TRUNG-NHẠC Nên quan-niệm thế nào về cải cách điền địa. TS Quốc-Phòng số 5.
- VÕ-TRƯỜNG-SƠN Cải cách điền địa hay kỹ thuật nắm vững nông-thôn của Cộng-Sản tại Bắc-Việt.  
Tập-san Quốc-Phòng số 11.
- NGUYỄN-GIA-HIẾN Một vài ý-kiến về khu Trù Mật.  
Quê hương số 4. 10-59.
- Chấn hưng kinh tế các số : 108 - 128 - 144 - 146 - 148 - 149  
62 - 260 - 287 - 306 - 311 - 339

D)- TÀI-LIỆU.

- NGUYỄN-TRƯỜNG-SƠN Công cuộc dinh điền tại Do-Thái.  
Nha Nông-vụ 1965.
- BÙI-VĂN-LƯƠNG Công cuộc dinh điền tại Việt-Nam.
- Địa-phương chí tỉnh Kiên-Giang 1958.
- Chương trình tự túc phát triển xã 1971, 1972.

## I. Thông tin về tài liệu

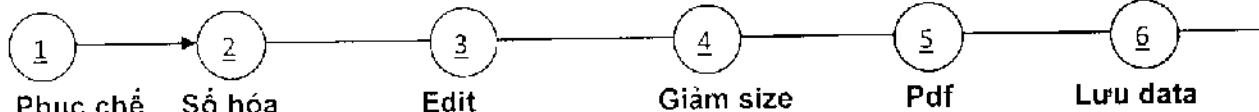
- Ký hiệu: LVHC 878  
 - Loại tài liệu: LA  
 - Người giao: DA

Tên tài liệu: Nghiệm cứu một công trình kiến trúc  
 Kích thước, số trang: 24 tr  
 Người, ngày nhận: Quí 10. 05. 13 Khu vực Sân

Hợp đồng     Kế hoạch     Khác (tự nhân):

## - Yêu cầu scan

Bình thường     Cần file Raw     Khác:



## II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật: Thủ công  
 - Người thực hiện: Thời gian:

## III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera . Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:  
 Bookeyes. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:  
 Proserv. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:  
 Khác..... Người thực hiện: Tầm Thời gian: 15. 5. 13. Kỹ thuật:

## IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian).....

Edit     Giảm size     PDF

## IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

Không phục vụ     Phục vụ hạn chế     Phục vụ rộng rãi

Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu).....